

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát,
nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần GEO Hạ Long

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701802064 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 02033.849928/0912659144

Email : vinhgmc@gmail.com

Website: geohalong.vn

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 228

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẠNG				
1	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022 ASTM C31/C31M BS EN 12350-1	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế, hỗn hợp bê tông	TCVN 5574:2012 TCVN 9340:2012 PP. Thiết kế 778/1998/QG-BXD	Máy nén, máy uốn, máy kéo thủy lực,	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM, C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6 BS 1881 -Part 107-199	Thùng đong Cân điện tử sai số 50g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
4	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M AASHTO T158 EN 12350-4	Bàn rung Khuôn 200x200x200mm Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
5	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993 ASTM D2850 ASTM D4767	Thùng trộn Cân điện tử 50kg Tủ sấy Bộ sàng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
6	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127 EN 12390-7 BS 1881 -Part 114	Bình thủy tinh, Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 5mm; 1,25mm ; 0,125mm Bình hút ẩm Hoá chất H ₂ SO ₄ Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
7	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122	Cân điện tử sai số 0,1g Thùng ngâm mẫu Tủ sấy Bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138	Thùng đong Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
9	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M BS 1881-part 116, AASHTO T22M/T22 EN 12390-3	Máy nén thủy lực 200 tấn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
10	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M	Máy nén thủy lực 200 tấn, Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén Thước lá kim loại	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Xác định tỷ lệ hấp thụ nước của bê tông xi măng	ASTM C1585	Tủ sấy, cân kỹ thuật.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
12	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239-2006		Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM				
13	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật (chính xác 1%); dụng cụ lấy mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
14	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012, AASHTO T11	Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 1g Sàng 0,075mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
15	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân điện tử sai số 0,01g. Bộ sàng, Kính lúp, Thanh nam châm, Hoá chất HCl...	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-4,5:2006, AASHTO T85, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật 6kg (0,1g), bình hút ẩm, tủ sấy 300°C (±1 °C), bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, cân thử độ ẩm cốt liệu, máy sấy tốc, que chọc thủy tinh, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
17	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006, ASTM C29, TCVN 6221:1997	Thùng đóng Cân điện tử sai số 1g Phiếu xốp đá, cát Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
18	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-7:2006, ASTM C70, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C142, AASHTO T112, TCVN 344:1986	Thùng đong Cân điện tử sai số 1g Thùng rửa cát, đá Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
20	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M AASHTO T21	Ống đong Cân điện tử sai số 0,1g Sàng 20mm Bảng màu chuẩn Hoá chất: NaOH	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
21	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938	Máy nén thủy lực, Máy khoan, Máy cưa, Thùng ngâm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
22	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997	Máy nén thủy lực Bộ nén đập xi lanh Cân điện tử sai số 1g Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Thùng ngâm mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
23	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535 AASHTO T96	Máy Los Angeles Cân điện tử sai số 0,1g Bộ sàng thí nghiệm Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
24	Xác định hàm lượng hạt trôi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM D4791-2023, BS EN 933-3-2012, BS EN 933-4-2008, BS EN 933-5-1998, BS 812- part 105.1-1989	Cân điện tử sai số 0,1g Thuốc đo dài dẹt Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006, AASHTO T112	Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Kim sắt	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
26	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006, TCVN 11807:2017	Cân điện tử sai số 0,1g Kính lúp Bộ thử góc cạnh cốt liệu thô Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân điện tử 0,001g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Đũa thủy tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
28	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Bộ dụng cụ đong lượng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
29	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 0,01g Cốc thủy tinh Tủ sấy Búa, thìa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
30	Xác định vật liệu lọc dạng hạt	TCVN 9069:2012	Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Bình tam giác thủy tinh Bình hút ẩm tủ sấy bếp cách cát Bộ sàng Máy rung Máy khuấy, Hoá chất Axit HCl Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
31	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023	Tủ sấy Cân điện tử sai số 1g Sàng ống đong thủy tinh đũa thủy tinh dung dịch HCL Cốc tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI				
32	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; ASTM A416; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989	Cân kỹ thuật (0,1g), Thước thép 500mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẬP, CÁP PHỐI ĐÁ DẼM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT				
33	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100	Nước cất Dầu hoả Cân kỹ thuật sai số 0,01g Bình tỷ trọng Cối chảy sứ Tủ sấy Bơm chân không Tỷ trọng kế	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265	Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Bình hút ẩm hộp nhôm Sàng 1mm Búa, bay trộn,	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
36	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90	Bộ thí nghiệm Vaxiliep Bộ giới hạn dẻo Bộ giới hạn chảy Cân điện tử 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
37	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14135-4:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88	Bộ sàng Cân điện tử sai số 5g Cân điện tử sai số 1g Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,0001 Tủ sấy Máy lắc sàng Nhiệt kế thủy tinh sai số 0,5 độ Dụng cụ thủy tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
38	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080	Máy cắt đất 2 tốc độ Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
39	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M AASHTO T216	Máy nén đất tam liên Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
40	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020;	Cối chảy đảm chặt Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thí nghiệm	AASHTO T99 AASHTO T180		Phạm Hải Yến
41	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Cốc thủy tinh Tủ sấy Bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
42	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, AASHTO T193	Khuôn CBR, Máy nén CBR, Chày đầm, Tủ sấy Bể ngâm mẫu Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 19 và 4,75mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
43	Xác định mô-đun đàn hồi của vật liệu	TCCS38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Máy nén mô-đun đàn hồi, Khuôn mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
44	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434	Bảng thấm Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Sàng rây Đồng hồ bấm giây	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
45	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016	Máy nén 1 trục Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
46	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Máy nén 1 trục Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
47	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004 AASHTO T267 ASTM D2974	Tủ sấy Bình hút ẩm Cân điện tử sai số 0,1 Cân điện tử sai số 0,01 Cân điện tử sai số 0,001 Cân điện tử sai số 0,0001 Sàng thí nghiệm cỡ 0,25mm và 2mm Ống đong thủy tinh Bình tam giác Hóa chất Giấy lọc	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
48	Xác định góc nghi tự nhiên	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghi tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, hóa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			chất,...	Phạm Hải Yến
49	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cối chày protor Sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Thước cặp	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
50	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH, xác định phosho phương pháp so màu	TCVN 7377:2004, ASTM D4980 TCVN 8940:2011	Bút đo pH	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
51	Xác định đặc trưng trương nở và co ngót của đất	TCVN 8720:2012, ASTM D427, AASHTO T92	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
52	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-2022 TCVN 14134-5:2024	Bộ dụng cụ đương lượng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
53	Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã	TCVN 8719:2012 ASTM D4829 ASTM D4546 TCVN 8718:2012	Bộ thí nghiệm trương nở đất Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
54	Thí nghiệm cọc xi măng đất, đất, cát, cấp phối đá dăm gia cố chất kết dính	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011 ASTM D559, D1633 TCVN 9843:2013	Cối chày sứ Sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,001g Tủ sấy Bếp cách cát Giấy lọc Hoá chất Máy đo pH Đồng hồ bấm giây Máy nén	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
BÊ TÔNG NHỰA				
55	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, ống đong, phễu, tấm kính, khay, dao gạt,...	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
56	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2022; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
58	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
NHỰA BITUM				
59	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, thùng nũa, hộp sữa bò.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
60	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182	Dây buộc Bình thủy tinh Nước cất Bếp đun Nhiệt kế	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
61	Chỉ tiêu độ kim lún PI	858/QĐ-BGTVT TCVN 13567:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
62	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3 ; 0.15; 0.075mm), Cân kỹ thuật (0,01g), bát sứ, chày bệt cao su, cọ quét, bình hút ẩm, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 ^o c, khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
63	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 ^o c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
64	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 ^o c	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
65	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, ASTM D2937	Dao dai tròn bằng thép dung tích > 100cm ³ , cân 10kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, cùn, búa đóng 1,5kg, bay, cọ quét	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
66	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556/D1556M AASHTOT191	Phễu rót cát; cát chuẩn; cân 30kg(5g); cân 6kg (0.1g); bếp ga sấy ẩm ; sàng (2.36; 0,15mm), sàng 19mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
67	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm đế, Kích thủy lực 200kN	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
68	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025 ASTM D4729	Cần Benkelman, Tấm đế , Kích thủy lực 32 tấn đồng hồ so 50mm(0.01mm), nhiệt kế điện tử 300 ^o c, giấy kê ô ly, mỡ bò, búa đục	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
69	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395	Tấm đế , Kích thủy lực 200kN	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
70	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước 3m	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
71	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Dụng cụ thí nghiệm rắc cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
72	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích,	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012,	Cân kỹ thuật 6000g/0.1g,	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Khay đựng mẫu, Dao bay, cùn bép ga	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
73	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	Bộ thí nghiệm SPT	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh
74	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường (FVST)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573	Thiết bị cắt cánh hiện trường	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG				
75	Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Máy thủy lực 600KN đến 2000KN Cân kỹ thuật, độ chính xác 0.01g Máy gia công mẫu đá: máy khoan, máy cưa, máy mài đá Thước kẹp độ chính xác 0.01mm Thước đo vuông góc Đồng hồ đo biến dạng 0.001mm Đồng hồ bấm giây Máy hút chân không và bình bảo hòa Khay ngâm mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
76	Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1g Tủ sấy Bình hút ẩm Búa sắt, đe và đục sắt	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
77	Phương pháp xác định mô đun đàn hồi của đá trong phòng thí nghiệm	TCCS 38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Máy nén mô đun đàn hồi	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
78	Phương pháp xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014	Máy thủy lực 600KN đến 2000KN Bộ khuôn gá tạo góc nghiêng 45° và 60°	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
79	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0.01g Máy khoan, cưa, cắt đá Máy mài đá Thước kẹp Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
	Phương pháp xác	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng 100ml Cân kỹ thuật, độ chính	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm		xác 0.01g Tủ sấy Bình hút ẩm Bếp cách cát Sàng, cốc sứ, cối, chày sứ...	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Bộ sàng 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14; 0,08mm; cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g; tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03	Bộ côn, bàn dẫn, thước kẹp có độ chính xác 1mm, bay, trào trộn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
83	Xác định thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Bình 1lit	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
84	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:03	Khuôn 4x4x16cm, chày đầm, tủ dưỡng hộ, tấm kính, Bộ gá uốn, nén, máy uốn nén	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
85	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	Khay đựng, Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g, tủ sấy, thùng lưu mẫu, khuôn mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH XÂY				
86	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-01:09	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
87	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-02:09	Máy nén thủy lực, máy cắt, thước đo có độ chính xác 0,1mm, các miếng kính, bay, chấu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
88	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-03:09	Máy thử uốn, gá uốn mẫu, thước đo có độ chính xác 0,1mm, các miếng kính, bay, chấu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-04:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy, bể ngâm, bình hút chân không, khăn ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chi tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chi tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chi tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chi tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-05:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy, thước đo có độ chính xác 1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
91	Xác định lỗ rỗng	TCVN 6355-06:09	Thùng ngâm, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thước đo có độ chính xác 1mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
GẠCH BÊ TÔNG				
92	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6477:16	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
93	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG				
94	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g, Bộ sàng 0,075; 0,300; 0,600mm, bình hút ẩm bằng thủy tinh, tủ sấy, khay đựng	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
95	Cháy, dẻo	TCVN4197:2012	Bộ cháy dẻo, hộp nhôm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, sàng 0,425mm, tủ sấy, dao trộn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
96	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, hộp ẩm, tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
97	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, hộp ẩm, tủ sấy, bát sứ, chày bọc cao su, ống đong, nước cất, dầu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			hòa	
98	Khối lượng riêng	TCVN 8735 - 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, 0,001g, bình tỉ trọng 100ml, bình hút âm, tủ sấy, nhiệt kế, sàng 0,25mm, cốc sứ, bếp cát, nước cất, khay đựng	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

Công ty cổ phần GEO Hạ Long cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Quảng Ninh;
- Các tổ chức, doanh nghiệp, chủ đầu tư liên quan;
- Lưu: VP.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

C.T.G.P.
H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

☎ ★ ☎

**HỒ SƠ CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN
ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ : Tổ 2 – khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3849928

Email: vinhgmc@gmail.com; Website : geohalong.vn

MỤC LỤC

Phần 1: CÁC PHÉP THỬ XIN CÔNG NHẬN

1. Văn bản công bố công khai thông tin đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Phần 2: HỒ SƠ PHÁP LÝ, CÁC QUYẾT ĐỊNH

1. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
2. Quyết định thành lập Phòng thí nghiệm
3. Quyết định bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm
4. Danh sách cán bộ phòng thí nghiệm
5. Quyết định phân công nhiệm vụ nhân viên thí nghiệm
6. Bảng cấp, chứng chỉ thí nghiệm viên và Hợp đồng lao động kèm theo

Phần 3: HỒ SƠ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PTN THEO ISO 17025

1. Quyết định thành lập Ban soạn thảo ISO 17025
2. Sổ tay chất lượng ISO 17025:2017
3. Danh mục các quy trình quản lý chất lượng
4. Danh mục các tiêu chuẩn được phê duyệt
5. Quyết định áp dụng hệ thống quản lý ISO 17025:2017

Phần 4: HỒ SƠ NĂNG LỰC THIẾT BỊ

1. Danh mục trang thiết bị phòng thí nghiệm
2. Hợp đồng mua bán thiết bị, biên bản bàn giao, hoá đơn thiết bị
3. Giấy kiểm định thiết bị

Phần 5: HỒ SƠ CHỨNG MINH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Hợp đồng thuê mặt bằng phòng thí nghiệm
2. Sơ đồ mặt bằng bố trí phòng thí nghiệm

Phần 1: CÁC PHÉP THỬ XIN CÔNG BỐ

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần GEO Hạ Long

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701802064 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 02033.849928/0912659144

Email : vinhgmc@gmail.com

Website: geohalong.vn

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 228

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
1	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022 ASTM C31/C31M BS EN 12350-1	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gọt mẫu dài 200mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế, hỗn hợp bê tông	TCVN 5574:2012 TCVN 9340:2012 PP. Thiết kế 778/1998/QG-BXD	Máy nén, máy uốn, máy kéo thủy lực,	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM, C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6 BS 1881 -Part 107-199	Thùng đong Cân điện tử sai số 50g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
4	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M AASHTO T158 EN 12350-4	Bàn rung Khuôn 200x200x200mm Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
5	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993 ASTM D2850 ASTM D4767	Thùng trộn Cân điện tử 50kg Tủ sấy Bộ sàng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
6	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127 EN 12390-7 BS 1881 -Part 114	Bình thủy tinh, Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 5mm; 1,25mm ; 0,125mm Bình hút ẩm Hoá chất H ₂ SO ₄ Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
7	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122	Cân điện tử sai số 0,1g Thùng ngâm mẫu Tủ sấy Bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138	Thùng đong Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
9	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M BS 1881-part 116, AASHTO T22M/T22 EN 12390-3	Máy nén thủy lực 200 tấn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
10	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M	Máy nén thủy lực 200 tấn, Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén Thước lá kim loại	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Xác định tỷ lệ hấp thụ nước của bê tông xi măng	ASTM C1585	Tủ sấy, cân kỹ thuật.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
12	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239-2006		Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM				
13	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật (chính xác 1%); dụng cụ lấy mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
14	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012, AASHTO T11	Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 1g Sàng 0,075mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
15	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân điện tử sai số 0,01g, Bộ sàng, Kính lúp, Thanh nam châm, Hoá chất HCl...	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-4,5:2006, AASHTO T85, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật 6kg (0,1g), bình hút ẩm, tủ sấy 300°C (±1 °C), bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, côn thử độ ẩm cốt liệu, máy sấy tóc, que chọc thủy tinh, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
17	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006, ASTM C29, TCVN 6221:1997	Thùng đóng Cân điện tử sai số 1g Phễu xếp đá, cát Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
18	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-7:2006, ASTM C70, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C142, AASHTO T112, TCVN 344:1986	Thùng đong Cân điện tử sai số 1g Thùng rửa cát, đá Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
20	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M AASHTO T21	Ông đong Cân điện tử sai số 0,1g Sàng 20mm Bảng màu chuẩn Hoá chất: NaOH	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
21	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938	Máy nén thủy lực, Máy khoan, Máy cưa, Thùng ngâm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
22	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997	Máy nén thủy lực Bộ nén đập xi lanh Cân điện tử sai số 1g Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Thùng ngâm mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
23	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535 AASHTO T96	Máy Los Angeles Cân điện tử sai số 0,1g Bộ sàng thí nghiệm Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
24	Xác định hàm lượng hạt trôi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM D4791-2023, BS EN 933-3-2012, BS EN 933-4-2008, BS EN 933-5-1998, BS 812- part 105.1-1989	Cân điện tử sai số 0,1g Thước đo dài dẹt Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006, AASHTO T112	Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Kim sắt	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
26	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006, TCVN 11807:2017	Cân điện tử sai số 0,1g Kính lúp Bộ thử góc cạnh cốt liệu thô Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân điện tử 0,001g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Đũa thủy tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
28	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Bộ dụng cụ đưng lượng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
29	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 0,01g Cốc thủy tinh Tủ sấy Búa, thìa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
30	Xác định vật liệu lọc dạng hạt	TCVN 9069:2012	Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Bình tam giác thủy tinh Bình hút ẩm tủ sấy bếp cách cát Bộ sàng Máy rung Máy khuấy, Hoá chất Axit HCl Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
31	Xác định hàm lượng vò sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023	Tủ sấy Cân điện tử sai số 1g Sàng ống đong thủy tinh đũa thủy tinh dung dịch HCL Cốc tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI				
32	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; ASTM A416; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989	Cân kỹ thuật (0,1g), Thước thép 500mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐÁP, CÁP PHỐI ĐÁ DẪM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT				
33	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100	Nước cất Dầu hoả Cân kỹ thuật sai số 0,01g Bình tỷ trọng cối chảy sứ Tủ sấy Bơm chân không Tỷ trọng kế	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265	Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Bình hút ẩm hộp nhôm Sàng 1mm Búa, bay trộn,	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
36	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90	Bộ thí nghiệm Vaxiliep Bộ giới hạn dẻo Bộ giới hạn chảy Cân điện tử 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
37	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14135-4:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88	Bộ sàng Cân điện tử sai số 5g Cân điện tử sai số 1g Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,0001 Tủ sấy Máy lắc sàng Nhiệt kế thủy tinh sai số 0,5 độ Dụng cụ thủy tinh	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
38	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080	Máy cắt đất 2 tốc độ Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
39	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M AASHTO T216	Máy nén đất tam liên Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
40	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020;	Cối chảy đảm chặt Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thí nghiệm	AASHTO T99 AASHTO T180		Phạm Hải Yến
41	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Cốc thủy tinh Tủ sấy Bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
42	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, AASHTO T193	Khuôn CBR, Máy nén CBR, Chày đầm, Tủ sấy Bể ngâm mẫu Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 19 và 4,75mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
43	Xác định mô-đun đàn hồi của vật liệu	TCCS38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Máy nén mô-đun đàn hồi, Khuôn mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
44	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434	Bảng thấm Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Sàng rây Đồng hồ bấm giây	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
45	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016	Máy nén 1 trục Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
46	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Máy nén 1 trục Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
47	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004 AASHTO T267 ASTM D2974	Tủ sấy Bình hút ẩm Cân điện tử sai số 0,1 Cân điện tử sai số 0,01 Cân điện tử sai số 0,001 Cân điện tử sai số 0,0001 Sàng thí nghiệm cỡ 0,25mm và 2mm Ống đồng thủy tinh Bình tam giác Hóa chất Giấy lọc	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
48	Xác định góc nghi tự nhiên	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghi tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, hóa	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			chất,...	Phạm Hải Yến
49	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cối chày protor Sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Thước cặp	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
50	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH, xác định phosho phương pháp so màu	TCVN 7377:2004, ASTM D4980 TCVN 8940:2011	Bút đo pH	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
51	Xác định đặc trưng trương nở và co ngót của đất	TCVN 8720:2012, ASTM D427, AASHTO T92	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
52	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-2022 TCVN 14134-5:2024	Bộ dụng cụ đương lượng cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
53	Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã	TCVN 8719:2012 ASTM D4829 ASTM D4546 TCVN 8718:2012	Bộ thí nghiệm trương nở đất Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
54	Thí nghiệm cọc xi măng đất, đất, cát, cấp phối đá dăm gia cố chất kết dính	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011 ASTM D559, D1633 TCVN 9843:2013	Cối chày sứ Sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,001g Tủ sấy Bếp cách cát Giấy lọc Hoá chất Máy đo pH Đồng hồ bấm giây Máy nén	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
BÊ TÔNG NHỰA				
55	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, ống đong, phễu, tấm kính, khay, dao gạt,...	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
56	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2022; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
58	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
NHỰA BITUM				
59	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, thùng nũa, hộp sữa bò.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
60	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182	Dây buộc Bình thủy tinh Nước cất Bếp đun Nhiệt kế	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
61	Chỉ tiêu độ kim lún PI	858/QĐ-BGTVT TCVN 13567:2022	Tính toán	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
62	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3 ; 0.15; 0.075mm), Cân kỹ thuật (0,01g), bát sứ, chày bệt cao su, cọ quét, bình hút ẩm, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 ^o c, khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
63	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 ^o c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
64	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 ^o c	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoá, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
65	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, ASTM D2937	Dao đai tròn bằng thép dung tích > 100cm ³ , cân 10kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, cùn, búa đóng 1,5kg, bay, cọ quét	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
66	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556/D1556M AASHTOT191	Phễu rót cát; cát chuẩn; cân 30kg(5g); cân 6kg (0.1g); bếp ga sấy ẩm ; sàng (2.36; 0,15mm), sàng 19mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
67	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tâm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm đế, Kích thủy lực 200kN	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
68	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025 ASTM D4729	Cần Benkelman, Tấm đế , Kích thủy lực 32 tấn đồng hồ so 50mm(0.01mm), nhiệt kế điện tử 300 ^o c, giấy kẻ ô ly, mỡ bò, búa đục	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
69	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395	Tấm đế , Kích thủy lực 200kN	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
70	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước 3m	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
71	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Dụng cụ thí nghiệm rắc cát	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
72	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích,	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012,	Cân kỹ thuật 6000g/0.1g.	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Khay đựng mẫu, Dao bay, cùn bép ga	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
73	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	Bộ thí nghiệm SPT	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh
74	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường (FVST)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573	Thiết bị cắt cánh hiện trường	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh

THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG

75	Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Máy thủy lực 600KN đến 2000KN Cân kỹ thuật, độ chính xác 0.01g Máy gia công mẫu đá: máy khoan, máy cưa, máy mài đá Thước kẹp độ chính xác 0.01mm Thước đo vuông góc Đồng hồ đo biến dạng 0.001mm Đồng hồ bấm giây Máy hút chân không và bình bão hòa Khay ngâm mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
76	Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1g Tủ sấy Bình hút ẩm Búa sắt, đe và đục sắt	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
77	Phương pháp xác định mô đun đàn hồi của đá trong phòng thí nghiệm	TCCS 38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Máy nén mô đun đàn hồi	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
78	Phương pháp xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014	Máy thủy lực 600KN đến 2000KN Bộ khuôn gá tạo góc nghiêng 45° và 60°	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
79	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0.01g Máy khoan, cưa, cắt đá Máy mài đá Thước kẹp Tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
	Phương pháp xác	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng 100ml Cân kỹ thuật, độ chính	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm		xác 0.01g Tủ sấy Bình hút ẩm Bếp cách cát Sàng, cốc sứ, cối, chày sứ...	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG

81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Bộ sàng 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14; 0,08mm; cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g; tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03	Bộ côn, bàn dẫn, thước kẹp có độ chính xác 1mm, bay, chảo trộn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
83	Xác định thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Bình 1lit	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
84	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:03	Khuôn 4x4x16cm, chày đầm, tủ dưỡng hồ, tấm kính, Bộ gá uốn, nén, máy uốn nén	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
85	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	Khay đựng, Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g, tủ sấy, thùng lưu mẫu, khuôn mẫu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH XÂY

86	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-01:09	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
87	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-02:09	Máy nén thủy lực, máy cắt, thước đo có độ chính xác 0,1mm, các miếng kính, bay, chảo	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
88	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-03:09	Máy thử uốn, gá uốn mẫu, thước đo có độ chính xác 0,1mm, các miếng kính, bay, chảo	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-04:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy, bể ngâm, bình hút chân không, khăn ẩm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-05:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy, thước đo có độ chính xác 1g	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
91	Xác định lỗ rỗng	TCVN 6355-06:09	Thùng ngâm, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thước đo có độ chính xác 1mm	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
GẠCH BÊ TÔNG				
92	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6477:16	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
93	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11	Thước đo có độ chính xác 0,1mm, mắt thường	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG				
94	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g, Bộ sàng 0,075; 0,300; 0,600mm, bình hút ẩm bằng thủy tinh, tủ sấy, khay đựng	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
95	Chảy, dẻo	TCVN4197:2012	Bộ chảy dẻo, hộp nhôm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, sàng 0,425mm, tủ sấy, dao trộn	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
96	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, hộp ẩm, tủ sấy	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
97	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, hộp ẩm, tủ sấy, bát sứ, chày bọc cao su, ống đong, nước cất, dầu	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			hòa	
98	Khối lượng riêng	TCVN 8735 - 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, 0,001g, bình ti trọng 100ml, bình hút âm, tủ sấy, nhiệt kế, sàng 0,25mm, cốc sứ, bếp cát, nước cất, khay đựng	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

Công ty cổ phần GEO Hạ Long cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Quảng Ninh;
- Các tổ chức, doanh nghiệp, chủ đầu tư liên quan;
- Lưu: VP.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5701802064

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 23 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GEO HALONG JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: iGEO HA LONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02033849928

Fax:

Email: vinhgmc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035076008552

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh, Việt Nam



TRƯỜNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Xuân Trường

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5701802064

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GMC HALONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GMC - HL

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02033849928

Fax:

Email: vinhgmc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1976 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035076008552

Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Hà Văn Thiên



THÔNG BÁO

“Về Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2”

- Căn cứ biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 01/2024/BB/ĐHĐCĐ – GMC HL ngày 18 tháng 01 năm 2024, về việc nhất trí thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2, cập nhật, thay đổi thông tin tên công ty.
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 5701802064 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Chúng tôi xin trân trọng thông báo tới Quý khách hàng và Quý cơ quan về việc thay đổi như sau:

1. Kể từ ngày 23/01/2024, Công ty cổ phần GEO Hạ Long bổ sung, cập nhật, thay đổi tên công ty và thực hiện tất cả các giao dịch với Quý khách hàng và Quý cơ quan theo thông tin thay đổi dưới đây:

Nội dung	Thông tin cũ	Thông tin sửa đổi	Ghi chú
Tên tiếng Việt	Công ty cổ phần GMC Hạ Long	Công ty cổ phần GEO Hạ Long	Thay đổi
Tên tiếng Anh	GMC Halong Joint stock	GEO Halong Joint stock	Thay đổi
Địa chỉ	Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Không đổi
Mã số thuế	5701802064	5701802064	Không đổi
Đại Diện	Vũ Ngọc Vinh	Vũ Ngọc Vinh	Không đổi

2. Kể từ ngày 23/01/2024, đề nghị Quý khách hàng và Quý cơ quan thực hiện giao dịch theo thông tin thay đổi. Các thông tin cũ không còn giá trị pháp lý từ ngày 23/01/2024.

Công ty cổ phần GEO Hạ Long xin thông báo để Quý khách hàng, Quý cơ quan được biết và phối hợp thực hiện.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng, Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- LĐCĐ, Các CB-CNV
- Lưu HC

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Minh



Số: 217 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần GMC Hạ Long và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13/7/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

Mã số thuế: 5701802064.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 2, Khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 228

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 09/GCN-BGTVT ngày 11/8/2017.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần GMC Hạ Long;
- Sở XD Quảng Ninh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

Số chứng thực: 4263-001 SCT/BS

Ngày: 01 tháng 10 năm 2022

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Thuý



DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 228
 (Kèm theo Giấy chứng nhận số: 217 /GCN-BXD, ngày 25 tháng 7 năm 2022
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:93
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
8	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
11	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:93
12	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93
13	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:93
14	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
16	Xác định cường độ kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:93
17	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
18	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12
VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI		
19	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
20	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
21	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
22	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:06
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
26	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
27	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
28	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
29	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06

15
 NPH
 NG
 NG
 4M

doi

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
33	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91
34	Xác định góc nghi, góc dốc tự nhiên của cát	AASHTO T191-87; ASTM D1883; AASHTO T139
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
41	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193
44	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD)	TCVN 8868:11; ASTM D2850
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-06
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG		
46	Thử kéo	TCVN 197-1:14; ISO 6892-1; TCVN 1651:08; ASTM A370
47	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08; ISO 7438; ASTM A370
48	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:97
49	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10
50	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
51	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực xiết	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; JIS B1186; ASTM A370
BÊ TÔNG NHỰA		
52	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; AASHTO-T245
53	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
54	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
55	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
56	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
57	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
58	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11

T. O
 HỒN
 HỮ
 SỬ

Deal

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
59	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
60	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
61	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
62	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
63	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
NHỰA BITUM		
64	Xác định độ kim lún, kim lún PI của nhựa theo Phụ lục II (TT27/2014/TT-BGTVT)	TCVN 7495:05
65	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
66	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05
67	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11
68	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; AASHTO-T47
69	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
70	Xác định khối lượng riêng ở 25oC (tỷ trọng)	TCVN 7501:05
71	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
72	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:71; TCVN 8729:12; AASHTO T204; BS 1377-9
73	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9
74	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
75	XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11
76	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
77	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
78	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
79	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chèn, modul đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11
80	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; ASTM D2586
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
83	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
84	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
85	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10:03
86	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11:03
87	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18:03
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
88	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09

JANG MI
 U NG
 U HO
 U HO

Doc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
89	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
90	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
91	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
92	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
93	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
GẠCH BÊ TÔNG		
94	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16
95	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
96	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG		
97	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
98	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4506:12; AASHTO T26
99	Xác định độ PH	TCVN6492:11; ASTM D1293; ISO 10523
100	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96; ASTM D512; ISO9297
101	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96; ASTM D516
102	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88; TCVN 6186-96; ISO 8467
VẬT LIỆU BENTONITE		
103	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng tách nước	TCVN 11893:17; ASTM D4972; ASTM D4380, D4381; API-RP-13P

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty cổ phần GMC Hạ Long.
- Căn cứ nhu cầu thực tế công việc của Phòng Thí nghiệm và trình độ năng lực của ông Nguyễn Trung Dũng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

1 - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Dũng - giữ chức vụ Trưởng phòng Thí nghiệm.

2 - Công việc chính của ông Nguyễn Trung Dũng là: Quản lý, điều hành hoạt động của phòng Thí nghiệm và các công việc khác có liên quan dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

3 - Thời điểm bắt đầu: Từ ngày 04 tháng 10 năm 2022.

Điều 2:

Ông Nguyễn Trung Dũng được hưởng lương và các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN theo quy chế của Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

Điều 3:

Các ông (bà): Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị liên quan và ông Nguyễn Trung Dũng căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (th).
- Lưu HC.

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 05 năm 2025

DANH SÁCH CÁN BỘ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm địa kỹ thuật: Công ty cổ phần GEO Hạ Long

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701802064 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 23 tháng 01 năm 2024

- Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

- Điện thoại: 02033.849928/0912659144

- Mã số thuế: 5701802064

- Giám đốc: Vũ Ngọc Vinh

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật

- Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 02033.849928 / 0982786998

- Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Trung Dũng – Kỹ sư công trình xây dựng

(Danh sách nhân sự theo bảng kèm theo)

Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện các quy định về công nhận phòng thí nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá phòng thí nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEO
HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH
M.S.D.N: 5701802064 - C.T.C.P.
GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

BẢNG DANH SÁCH NHÂN SỰ PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn Bảng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao	Số Hợp đồng lao động, ngày/tháng/năm	Tài liệu Bảng lương, thẻ, sổ bảo hiểm xã hội hoặc các tài liệu khác
1	Nguyễn Trung Trực	1978	1. Trình độ: Đại học Mỏ địa chất - Kỹ sư địa chất công trình 2. Chứng chỉ: - Quản lý phòng thí nghiệm số IEMM 0103.02A-ĐT do viện cơ khí Năng Lương và mỏ cấp. - Bảng nghề số 000425771/LĐT BXH-DN do trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp.	P. GD - phụ trách chung	Số: 10/HĐLĐ ngày 06/05/2016	Số sổ BHXH: 2004014025
2	Nguyễn Trung Dũng	1980	1. Trình độ: Đại học Kỹ thuật - Kỹ sư kỹ thuật công trình 2. Chứng chỉ: - Quản lý phòng thí nghiệm số IEMM 0103.02A-ĐT do viện cơ khí Năng Lương và mỏ cấp. - Bảng nghề số 000425771/LĐT BXH-DN do trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp.	Trưởng phòng thí nghiệm	Số: 08/HĐLĐ ngày 05/09/2017	Số sổ BHXH: 2007001628
3	Phạm Hải Yến	1986	1. Trình độ: Cử nhân Đại học Mỏ địa chất 2. Bảng nghề: - Bảng nghề số 000767648/LĐT BXH-DN do trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp.	Thí nghiệm viên	Số: 03/HĐLĐ ngày 06/05/2016	Số sổ BHXH: 2212014445
4	Lương Văn Cường	1988	1. Trình độ: Đại học Kỹ thuật - Kỹ sư kỹ thuật công trình 2. Chứng chỉ: - Bảng nghề số 000949087/LĐT BXH-DN do trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp	Thí nghiệm viên	Số: 02/HĐLĐ ngày 06/05/2016	Số sổ BHXH: 2211011481
5	Trịnh Văn Quyết	1976	Chứng chỉ: - Bảng nghề số 000767640/LĐT BXH-DN do trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp	Thí nghiệm viên	Số: 07/HĐLĐ ngày 16/08/2017	Số sổ BHXH: 0109075343

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Phân công công việc cho từng cá nhân phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

- Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty cổ phần GEO Hạ Long;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng về việc phân công nhiệm vụ cán bộ của phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công nhiệm vụ cụ thể của toàn thể cán bộ thí nghiệm Las-xd theo bảng phân công nhiệm vụ đính kèm.

Điều 2: Đồng chí Trưởng phòng có nhiệm vụ Quản lý chung hoạt động của phòng thí nghiệm và chịu trách nhiệm trước ban lãnh đạo công ty về nhiệm vụ của mình.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng Thí nghiệm, phòng Hành chính, phòng Kế toán, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Vinh

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo quyết định số: 25/2025/QĐ-GEO ngày 02/05/2025)

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	1. Nguyễn Trung Dũng	Trưởng phòng	<ul style="list-style-type: none">- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm.- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật.- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng.- Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất.- Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc.- Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm.- Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty.- Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.- Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực.- Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên.- Quản lý trực tiếp quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm.	

<p>Tiếp nhận mẫu, theo dõi và lưu mẫu, trả hồ sơ</p>	<p>Phạm Hải Yến</p>	<p>Thí nghiệm viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác kế toán hành chính trong Phòng thí nghiệm: + Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty. + Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mẫu theo quy định. + Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm. + Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng. + Theo dõi công nợ khách hàng, làm các Hồ sơ thanh toán các hợp đồng thí nghiệm. + Giúp Trưởng phòng theo dõi quản lý trang thiết bị thí nghiệm, lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ hoặc có yêu cầu đột xuất đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty. + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban lãnh đạo phân công. 	
<p>Xây dựng hệ thống QLCL theo ISO 17025:2017</p>	<p>1. Nguyễn Trung Trực 2. Nguyễn Trung Dũng</p>	<p>Quản lý hệ thống chất lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân sự trên có nhiệm vụ chung trong công tác tổ chức hoạt động của phòng thí nghiệm, nhiệm vụ cụ thể được Trưởng phòng thí nghiệm hoặc lãnh đạo công ty giao tại mỗi thời điểm phù hợp với tiến độ công việc và năng lực chuyên môn: + Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất. + Trưởng phòng có trách nhiệm trực tiếp điều động, phân công, giám sát, hỗ trợ các nhân sự trong phòng thí nghiệm để phục vụ công tác thí nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của các Hợp đồng thí nghiệm đã ký kết. + Giúp Trưởng Phòng thí nghiệm Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm. + Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu 	

		<p>câu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực. - Đề xuất với trưởng phòng thí nghiệm và Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Thống kê, theo dõi, xây dựng, cập nhật, thay đổi, giám sát hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO17025:2007. 	
--	--	---	--

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC THÍ NGHIỆM VIÊN:

- Chức năng chung:
 - + Trực tiếp nhận mẫu từ cán bộ tiếp nhận mẫu, chuẩn bị mẫu theo các tiêu chuẩn thí nghiệm, lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết quả cho khách hàng.
 - + Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực.
 - + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng.
 - + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách.
 - + Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.
 - + Quản lý trực tiếp hồ sơ, kết quả thí nghiệm mặc do mình thực hiện, theo dõi đáp ứng tiến độ các công trình được giao tham gia thí nghiệm.
- Nhiệm vụ chi tiết theo bảng phân công sau:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Người thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
-1	-2	-3	-4
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
1	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022 ASTM C31/C31M BS EN 12350-1	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế, hỗn hợp bê tông	TCVN 5574:2012 TCVN 9340:2012 PP. Thiết kế 778/1998/QG-BXD	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM, C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6 BS 1881 -Part 107-199	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
4	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M AASHTO T158 EN 12350-4	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
5	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993 ASTM D2850 ASTM D4767	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
6	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127 EN 12390-7 BS 1881 -Part 114	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
7	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến

8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138	Phạm Hải Yến
9	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M BS 1881-part 116, AASHTO T22M/T22 EN 12390-3	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
10	Xác định cường độ lãng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
11	Xác định tỷ lệ hấp thụ nước của bê tông xi măng	ASTM C1585	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
12	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239-2006	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM			
13	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
14	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012, AASHTO T11	Lương Văn Cường Phạm Hải Yến
15	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-4,5:2006, AASHTO T85, TCVN 8735:2012	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
17	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006, ASTM C29, TCVN 6221:1997	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
18	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-7:2006, ASTM C70, TCVN 6221:1997	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
19	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C142, AASHTO T112, TCVN 344:1986	Phạm Hải Yến
20	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M AASHTO T21	Lương Văn Cường Phạm Hải Yến

21	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938	Phạm Hải Yến
22	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
23	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535 AASHTO T96	Lương Văn Cường
24	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM D4791-2023, BS EN 933-3-2012, BS EN 933-4-2008, BS EN 933-5-1998, BS 812- part 105.1-1989	Phạm Hải Yến
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006, AASHTO T112	Phạm Hải Yến
26	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006, TCVN 11807:2017	Phạm Hải Yến
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Phạm Hải Yến
28	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
29	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014, TCVN 6221:1997	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
30	Xác định vật liệu lọc dạng hạt	TCVN 9069:2012	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

31	Xác định hàm lượng vôi sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI			
32	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; ASTM A416; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989	Nguyễn Trung Dũng Trịnh Văn Quyết
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐÁP, CÁP PHỐI ĐÁ DẼM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT			
33	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
34	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265	Phạm Hải Yến
36	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
	Xác định thành phần	TCVN 14135-5:2024,	

37	hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88	Lương Văn Cường Phạm Hải Yến
38	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080	Lương Văn Cường Phạm Hải Yến
39	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M AASHTO T216	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường
40	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020; AASHTO T99 AASHTO T180	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
41	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263	Phạm Hải Yến
42	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, AASHTO T193	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
43	Xác định mô-đun đàn hồi của vật liệu	TCCS38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
44	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

45	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
46	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
47	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004 AASHTO T267 ASTM D2974	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
48	Xác định góc nghỉ tự nhiên	TCVN 8724:2012	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
49	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
50	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH, xác định phosho phương pháp so màu	TCVN 7377:2004, ASTM D4980 TCVN 8940:2011	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
51	Xác định đặc trưng trương nở và co ngót của đất	TCVN 8720:2012, ASTM D427, AASHTO T92	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
52	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-2022 TCVN 14134-5:2024	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
53	Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan	TCVN 8719:2012 ASTM D4829	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

	rã	ASTM D4546 TCVN 8718:2012	Trịnh Văn Quyết
54	Thí nghiệm cọc xi măng đất, đất, cát, cấp phối đá dăm gia cố chất kết dính	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011 ASTM D559, D1633 TCVN 9843:2013	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
BÊ TÔNG NHỰA			
55	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
56	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2022; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
57	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2022	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
58	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2022	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
NHỰA BITUM			
59	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
60	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
61	Chỉ tiêu độ kim lún PI	858/QĐ-BGTVT TCVN 13567:2022	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA

62	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2022	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
63	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012	Lương Văn Cường Phạm Hải Yến
64	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
65	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, ASTM D2937	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
66	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556/D1556M AASHTOT191	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
67	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
	Xác định mô đun đàn	TCVN 8867:2025	Nguyễn Trung Dũng

68	hồi (E) chung của áo đường bằng cân Benkelman	ASTM D4729	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
69	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
70	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
71	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
72	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
73	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh
74	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường (FVST)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573	Nguyễn Khắc Quyết Hà Duy Anh
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG			
75	Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
76	Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết

77	Phương pháp xác định mô đun đàn hồi của đá trong phòng thí nghiệm	TCCS 38:2022/TCĐBVN ASTM D3148	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
78	Phương pháp xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
79	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
80	Phương pháp xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012	Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết Phạm Hải Yến
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
83	Xác định thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
84	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:03	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
85	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
86	Kiểm tra kích thước và	TCVN 6355-01:09	Nguyễn Trung Dũng

	mức khuyết tật ngoại quan		Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
87	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-02:09	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
88	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-03:09	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-04:09	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
90	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-05:09	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
91	Xác định lỗ rỗng	TCVN 6355-06:09	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
GẠCH BÊ TÔNG			
92	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6477:16	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
93	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG			

94	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
95	Chảy, dẻo	TCVN4197:2012	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
96	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
97	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường Trịnh Văn Quyết
98	Khối lượng riêng	TCVN 8735 - 2012	Nguyễn Trung Dũng Lương Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHINH QUY
ngành *Đia Chất*
hạng *Thầy giảng viên* năm tốt nghiệp *2000*
và công nhận danh hiệu

Trì sư

cho *Nguyễn Trung Trúc*
sinh ngày *03-10-1976* tại *Đà Nẵng* tháng *11* năm *2000*

Hiệu trưởng ĐẠI HỌC MỞ
Khoa trưởng
PGS.TSKH. *Đào Tuấn*



Số hiệu bằng B *267075*
Số vào sổ *41-824*

Chữ ký của người được cấp bằng
HỒNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày *16-07-2018*
Số chứng thực *9918* trên số *01* SCTTB



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Tuấn Trúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi :

Một bên là : Ông : Vũ Ngọc Vinh - Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc Công ty
Đại diện cho (1): Công ty cổ phần GMC Hạ Long
Điện thoại: 0203.3849928
Địa chỉ: Tổ 2 khu 1 Phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Và một bên là : Ông : Nguyễn Trung Trực - Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : 08/03/1976 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn (2): Kỹ sư giám sát
Địa chỉ thường trú 104 Hoàng Văn Thụ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Số CMTND : 162083117 cấp ngày 18/10/ 2000 tại Nam Định
Số sổ lao động (nếu có): cấp ngày tại
Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 06 tháng 05 năm 2016.
- Địa điểm làm việc (4): Công ty cổ phần GMC Hạ Long. Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hoặc một địa điểm khác được phân công.
- Chức danh chuyên môn: Phó Giám Đốc công ty Cổ phần GMC Hạ Long
- Công việc phải làm (5): Làm những công việc theo chức danh chuyên môn và những công việc khác có liên quan theo sự chỉ đạo, phân công của lãnh đạo công ty.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8h/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 làm việc buổi sáng từ (8h-11h30'), nếu có công việc cần công ty sẽ huy động làm thêm giờ, làm ngày nghỉ, nghỉ lễ, người lao động sẽ được trả thù lao theo luật quy định.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của công ty và yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Người lao động được hưởng lương cơ bản với mức là : 4.440.000,đ ; ngoài ra được hưởng lương hàng tháng theo quy chế khoán của công ty .
- Trợ cấp khác (9): Theo quy chế của Công ty
- Được trả lương vào các ngày 05 đến 10 đầu hàng tháng kế theo.
- Tiền thưởng: Căn cứ quy chế thi đua khen thưởng của công ty và căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc sẽ xem xét quyết định.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định tại thang bảng lương của Công ty.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo kế hoạch BHLĐ của Công ty
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết, nghỉ việc riêng): Theo nội quy lao động và luật lao động
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp (10): Theo luật BHXH - BHYT - BHTN hiện hành
- Chế độ đào tạo (11): Theo quy định của Công ty
- Những thoả thuận khác: Theo nội quy lao động – luật lao động



2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo nội quy lao động

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyển hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước lao động tập thể, trường hợp chưa có thoả ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 05 năm 2016 khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần GMC Hạ Long ngày 06 tháng 05 năm 2016.

Người lao động



Nguyễn Trung Trực

Người sử dụng lao động



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

cấp

BẰNG KỶ SU

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Ông NGUYỄN TRUNG DŨNG

Chợ: Ngày sinh: ngày 06 tháng 07 năm 1980

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lương Công Nhở

Số hiệu: 323605

Số vào sổ cấp bằng: 5235

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING

Majoring in Civil and Industrial Engineering

Mr NGUYEN TRUNG DUNG

Upon: Date of birth: 06 July 1980

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐŨNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-11-2022
Số chứng thực: 16416-01
quyển 10.....SCTIBS

Hai Phong, 02 February 2015



CÔNG CHỨNG VIÊN

Đào Tuấn Thái

Reg. No:



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN
(VINACOMIN- INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING)

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Chứng nhận

This is to certify that

Ông Nguyễn Trung Dũng

Đã tham dự khóa đào tạo

Has attended training course

NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PTN THEO ISO/IEC 17025:2017
Quality Management in the Laboratory against ISO/IEC 17025:2017

Số giấy chứng nhận/ Certification No.:

IEMM 0103.02A-ĐT

Ngày cấp/ Issued date:

15/03/2022

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-06-2024

Số chứng thực: 5173-Quyết định BCT/ĐC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hiền



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Chương

Địa chỉ/ Address: 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553; Fax: +84-24-3854 3154
Email: tvicontrol@gmail.com

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000425771** /LĐT/BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: **20.555**
Ngày: **19** tháng **4** năm **2024**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **01-06-2020**

Số chứng thực: **6.7.9.8** quyển **01** SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Hải

BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: **Kỹ thuật và Nghiệp vụ**
Giáo trình và Tài liệu

Cấp cho: **NGUYỄN TRUNG DŨNG**

Sinh ngày: **06/7/1980**

Nguyên quán: **Đuy Tân - Hà Nam**

Nghề đào tạo: **Chỉ nhiệm vụ tài liệu đáng bộ**

Từ ngày **19/10/2024** đến ngày **15/12/2024**

Đạt trình độ thợ bậc: **3/4**

Tốt nghiệp hạng: **Trung bình**

Theo quyết định số: **11/DT**

Ngày **19** tháng **4** năm **2024**
ngày **19** tháng **4** năm **2024**



Đào Xuân Hải

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi :

Một bên là : Ông : Vũ Ngọc Vinh - Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc Công ty
Đại diện cho (1): Công ty cổ phần GMC Hạ Long
Điện thoại: 0203. 3849928
Địa chỉ: Tổ 2 khu 1 Phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Và một bên là : Ông : Nguyễn Trung Dũng - Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày : 06/07/1980 tại Hà Nam.

Trình độ chuyên môn (2): Nhân viên Thí nghiệm

Địa chỉ thường trú: Hoàng Đông, Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Số CMTND : 168011233 cấp ngày 08/08/ 1997 tại CA Hà Nam

Số sổ lao động (nếu có): cấp ngày tại

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 05 tháng 09 năm 2017.
- Địa điểm làm việc (4): Công ty cổ phần GMC Hạ Long. Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hoặc một địa điểm khác được phân công.
- Chức danh chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Công việc phải làm (5): Làm những công việc theo chức danh chuyên môn và những công việc khác có liên quan theo sự chỉ đạo, phân công của lãnh đạo công ty.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8h/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 làm việc buổi sáng từ (8h-11h30'), nếu có công việc cần công ty sẽ huy động làm thêm giờ, làm ngày nghỉ, nghỉ lễ, người lao động sẽ được trả thù lao theo luật quy định.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của công ty và yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Người lao động được hưởng lương cơ bản theo thang bảng lương của đơn vị với mức là : 3.914.000,đ; ngoài ra được hưởng lương hàng tháng theo quy chế khoán của công ty .
- Trợ cấp khác (9): Theo quy chế của Công ty
- Được trả lương vào các ngày 05 đến 10 đầu hàng tháng kế theo.
- Tiền thưởng: Căn cứ quy chế thi đua khen thưởng của công ty và căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc sẽ xem xét quyết định.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định tại thang bảng lương của Công ty.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo kế hoạch BHLĐ của Công ty
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết, nghỉ việc riêng): Theo nội quy lao động và luật lao động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Theo luật BHXH – BHYT hiện hành
- Chế độ đào tạo (11): Theo quy định của Công ty
- Những thoả thuận khác: Theo nội quy lao động – luật lao động

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo nội quy lao động

180201
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIAI
HÀ LỢI
WG.

15 - C.T
PHÒNG
KẾ TOÁN
HÀ LỢI
WG - T. D

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước lao động tập thể, trường hợp chưa có thoả ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 09 năm 2017 khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần GMC Hạ Long ngày 05 tháng 09 năm 2017

Ngày: 30-05-2024

Người lao động

(Ký tên)

Ghi rõ Họ và tên

Nguyễn Thị Minh Thương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Thương

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ Họ và Tên



Vũ Ngọc Vinh
GIÁM ĐỐC



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

BẰNG NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 000767648 /LDTBXH - DN



Trường: *Trung học Quốc tế thông tin và tài chính công nghệ I*
Cấp cho: *PHẠM HẢI YẾN*
Sinh ngày: *24.8.1986*
Nguyên quán: *Đèo Long, Quảng Ninh*
Nghề đào tạo: *Trung cấp kỹ thuật viên tin học*
Từ ngày: *19/12* đến ngày: *1.3.2017*

Đạt trình độ thợ bậc: *3/7*
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI NGHIỆP VỤ Trung bình, hai
Theo quyết định số: *19/PT*
Ngày: *22-05-2022* tháng: *5* năm: *2017*
ngày: *19* tháng: *3* năm: *2017*

Chữ ký của người được cấp bằng



Vào sổ số: *19.1.19*
Ngày: *19* tháng: *3* năm: *2017*

Đào Xuân Thái
Thao Tân Đường

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi :

Một bên là : Ông : **Vũ Ngọc Vinh** - Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: **Giám đốc Công ty**
Đại diện cho (1): **Công ty cổ phần GMC Hạ Long**
Điện thoại: **0333 849 928**
Địa chỉ: **Tổ 2 khu 1 Phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**

Và một bên là : Bà : **Phạm Hải Yến** - Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : **20/08/1986** tại **Quảng Ninh.**
Trình độ chuyên môn (2): **Nhân viên Thí nghiệm**
Địa chỉ thường trú: **Tổ 1 khu 3, Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh**
Số CMTND : **100950334** cấp ngày **30/6/ 2004** tại **Quảng Ninh**
Số sổ lao động (nếu có): **cấp ngày** tại

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 06 tháng 05 năm 2016
- Địa điểm làm việc (4): Công ty cổ phần GMC Hạ Long. Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hoặc một địa điểm khác được phân công.
- Chức danh chuyên môn: Nhân viên Thí nghiệm
- Công việc phải làm (5): Làm những công việc theo chức danh chuyên môn và những công việc khác có liên quan theo sự chỉ đạo, phân công của lãnh đạo công ty.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8h/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 làm việc buổi sáng từ (8h-11h30'), nếu có công việc cần công ty sẽ huy động làm thêm giờ, làm ngày nghỉ, nghỉ lễ, người lao động sẽ được trả thù lao theo luật quy định.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của công ty và yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Người lao động được hưởng lương cơ bản bậc 1 theo thang bảng lương của đơn vị với mức là : 3.483.000,đ ; ngoài ra được hưởng lương hàng tháng theo quy chế khoán của công ty .
- Trợ cấp khác (9): Theo quy chế của Công ty
- Được trả lương vào các ngày 05 đến 10 đầu hàng tháng kế theo.
- Tiền thưởng: Căn cứ quy chế thi đua khen thưởng của công ty và căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc sẽ xem xét quyết định.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định tại thang bảng lương của Công ty.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo kế hoạch BHLĐ của Công ty
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết, nghỉ việc riêng): Theo nội quy lao động và luật lao động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Theo luật BHXH – BHYT hiện hành
- Chế độ đào tạo (11): Theo quy định của Công ty
- Những thoả thuận khác: Theo nội quy lao động – luật lao động

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo nội quy lao động

3 - C
HỒN
CHỮ
QUẢ
- T. C

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
Confers

THE DEGREE OF ENGINEER
(copy)

Civil and Construction Engineering

Upon: *Mr Luong Van Cuong*

Date of birth: *06 March 1988*

Year of graduation: *2016*

Degree classification: *Good*

Mode of study: *Part - time*

Serial number: *0023245*

Reference number: *16TC-673*

Thainguyen, 30 November 2016

Nguyen Duy Cuong, PhD
Assoc.Prof and Rector (signed)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SAO
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
cấp

BẰNG KỸ SƯ
(bản sao)

Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: *Ông Lương Văn Cường*

Ngày sinh: *06/03/1988*

Năm tốt nghiệp: *2016*

Xếp loại tốt nghiệp: *Khá*

CHỨNG THỰC BẢN HÌNH THỰC ĐẠO TẠO HÌNH Vẽ làm vừa học

Số chứng thực: *44 số hiệu 1 SCTIBS 0023245*

Ngày: *27 tháng 11 năm 2016* Số vào sổ cấp bằng: *16TC-673*

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2016
Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

Sao từ sổ cấp bằng
Thái Nguyên, ngày 05 tháng 12 năm 2016



Vào sổ sao bằng số:

16S-0845

CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000949087**

Số hiệu:

ILDTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng:..... Cao đẳng nghề Giao thông.....
..... Vận tải Trung ương I.....

Cấp cho:..... LƯƠNG VĂN CƯỜNG.....

Sinh ngày:..... 06/03/1988.....

Nguyên quán:..... Tiên Lãng, Hải Phòng.....

Nghề đào tạo:..... *Thí nghiệm vật liệu XDĐB*.....

Từ ngày 10/06 đến ngày /..02.. 08...

Đạt trình độ thợ bậc:..... 3/7.....

Tốt nghiệp hạng:..... Trung bình khá.....

Theo quyết định số:..... 04/ĐT.....

Ngày 05 tháng 04 năm 2008

Hà Tây ngày 5 tháng 4 năm 2008



Vào sổ số:..... 19.740....
Ngày ..05... tháng 04.. ..năm 2008.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 11-08-2020
Số chứng thực..... 10091--01.....
..... quyền số..... SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIỆN
Đào Xuân Hải

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi :

Một bên là : Ông : **Vũ Ngọc Vinh** - Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: **Giám đốc Công ty**
Đại diện cho (1): **Công ty cổ phần GMC Hạ Long**
Điện thoại: **0333 849 928**
Địa chỉ: **Tổ 2 khu 1 Phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**

Và một bên là : Ông : **Lương Văn Cường** - Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : **06/03/1988** tại **Quảng Ninh.**
Trình độ chuyên môn (2): **Nhân viên Thí nghiệm**
Địa chỉ thường trú: **Đông Hải, Tiên Yên, Quảng Ninh**
Số CMTND : **100868708** cấp ngày **14/8/ 2002** tại **Quảng Ninh**
Số sổ lao động (nếu có): cấp ngày tại

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 06 tháng 05 năm 2016.
- Địa điểm làm việc (4): Công ty cổ phần GMC Hạ Long. Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hoặc một địa điểm khác được phân công.
- Chức danh chuyên môn: **Nhân viên Thí nghiệm**
- Công việc phải làm (5): Làm những công việc theo chức danh chuyên môn và những công việc khác có liên quan theo sự chỉ đạo, phân công của lãnh đạo công ty.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8h/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 làm việc buổi sáng từ (8h-11h30'), nếu có công việc cần công ty sẽ huy động làm thêm giờ, làm ngày nghỉ, nghỉ lễ, người lao động sẽ được trả thù lao theo luật quy định.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của công ty và yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Người lao động được hưởng lương cơ bản bậc 1 theo thang bảng lương của đơn vị với mức là : 3.483.000,đ ; ngoài ra được hưởng lương hàng tháng theo quy chế khoán của công ty .
- Trợ cấp khác (9): Theo quy chế của Công ty
- Được trả lương vào các ngày 05 đến 10 đầu hàng tháng kể theo.
- Tiền thưởng: Căn cứ quy chế thi đua khen thưởng của công ty và căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc sẽ xem xét quyết định.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định tại thang bảng lương của Công ty.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo kế hoạch BHLĐ của Công ty
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết, nghỉ việc riêng): Theo nội quy lao động và luật lao động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Theo luật BHXH – BHYT hiện hành
- Chế độ đào tạo (11): Theo quy định của Công ty
- Những thoả thuận khác: Theo nội quy lao động – luật lao động

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo nội quy lao động



Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước lao động tập thể, trường hợp chưa có thoả ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 05 năm 2016 khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần GMC Hạ Long ngày 06 tháng 05 năm 2016

Ngày: 30-05-2024
Người lao động (Ký tên) 4.8.5.8 SCT (Ký tên, đóng dấu)
Ghi rõ Họ và tên Ghi rõ Họ và Tên

Cell
Liàng Vinh




GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Chương



BẰNG NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 000767640 /LĐTĐXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Trường: *Trung học Giao thông vận tải
Trùng Khánh*

Cấp cho: *TRINH VĂN QUYẾT*

Sinh ngày: *12.01.1985*

Nguyên quán: *Thị trấn - Nam Định*

Nghề đào tạo: *Thợ nghiệp Việt - Lái đường bộ*

Từ ngày: *19.03* đến ngày: *3.2017*

Đạt trình độ thợ bậc: *3/3*

Tốt nghiệp hạng: *Trung bình Khá*

Theo quyết định số: *09/DT*

Ngày: *19* tháng *3* năm *2017*



Đào Văn Đường

Vào sổ số: *19.211*
Ngày: *19* tháng *3* năm *2017*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: *15134* số: *02* số: *5CT/BS*
Ngày: *14-11-2017*



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đỗ Lê Duy

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi :

Một bên là : Ông : **Vũ Ngọc Vinh** - Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: **Giám đốc Công ty**
Đại diện cho (1): **Công ty cổ phần GMC Hạ Long**
Điện thoại: **0203. 3 849928**
Địa chỉ: **Tổ 2 khu 1 Phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**

Và một bên là : Ông : **Trịnh Văn Quyết** - Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : **12/01/1985** tại **Nam Định**
Trình độ chuyên môn (2): **Nhân viên Thí nghiệm**
Địa chỉ thường trú: **Yên Quang- Ý Yên – Nam Định**
Số CMTND : **162679752** cấp ngày **02/12/ 2013** tại **CA Nam Định**
Số sổ lao động (nếu có): **cấp ngày** tại

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 16 tháng 08 năm 2017.
- Địa điểm làm việc (4): Công ty cổ phần GMC Hạ Long. Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hoặc một địa điểm khác được phân công.
- Chức danh chuyên môn: Nhân viên Thí nghiệm
- Công việc phải làm (5): Làm những công việc theo chức danh chuyên môn và những công việc khác có liên quan theo sự chỉ đạo, phân công của lãnh đạo công ty.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6): 8h/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 làm việc buổi sáng từ (8h-11h30'), nếu có công việc cần công ty sẽ huy động làm thêm giờ, làm ngày nghỉ, nghỉ lễ, người lao động sẽ được trả thù lao theo luật quy định.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của công ty và yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Người lao động được hưởng lương cơ bản theo thang bảng lương của đơn vị với mức là : 3.692.000,đ; ngoài ra được hưởng lương hàng tháng theo quy chế khoán của công ty .
- Trợ cấp khác (9): Theo quy chế của Công ty
- Được trả lương vào các ngày 05 đến 10 đầu hàng tháng kế theo.
- Tiền thưởng: Căn cứ quy chế thi đua khen thưởng của công ty và căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc sẽ xem xét quyết định.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định tại thang bảng lương của Công ty.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo kế hoạch BHLĐ của Công ty
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết, nghỉ việc riêng): Theo nội quy lao động và luật lao động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Theo luật BHXH – BHYT hiện hành
- Chế độ đào tạo (11): Theo quy định của Công ty
- Những thoả thuận khác: Theo nội quy lao động – luật lao động

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo nội quy lao động

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước lao động tập thể, trường hợp chưa có thoả ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 08 năm 2017 khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần GMC Hạ Long ngày 16 tháng 08 năm 2016

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)
Ghi rõ Họ và Tên

Ngày: 29-05-2018

Số chứng thực: 7449

Quyển số: 01

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮA

TRÁI: VÂN PHÒNG CÔNG CỘNG HƯNG QUANG
S.D.K.H.D: 05-T. TP. HẠ LONG - T. QUẢNG BÌNH

GIỮA: CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG
M.S.D.N: 570189
HẠ LONG - T. QUẢNG BÌNH

PHẢI: GIÁM ĐỐC Vũ Ngọc Vinh

CÔNG CHỨNG VIÊN Đỗ Lê Duy

Phần 3: HỒ SƠ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PTN THEO ISO 17025

Số: 33 /2025/QĐ-GEO

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC17025:2017)

GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần GEO Hạ Long;
- Xét đề xuất phòng kế toán - hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Ban ISO trong việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 của Công ty gồm có các ông (bà) có tên sau:

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông: Vũ Ngọc Vinh | - Giám đốc - Trưởng ban chất lượng |
| 2. Ông: Nguyễn Trung Trực | - Phó Giám đốc - Phó Ban |
| 3. Ông: Nguyễn Trung Dũng | - Trưởng phòng thí nghiệm - Phó Ban |
| 4. Bà: Phạm Hải Yến | - Thí nghiệm viên - Nhân viên |

Điều 2: Ban ISO có quyền hạn và chức năng sau:

- Triển khai phổ biến kiến thức TCVN ISO/IEC 17025:2017 cho mọi nhân viên của bộ phận, đảm bảo mọi người hiểu và thực hiện theo.

- Phát hiện các vấn đề không phù hợp trong quá trình thực hiện các thủ tục hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 phục vụ cho việc hiệu chỉnh và hoàn thiện hệ thống chất lượng trong Công ty.

- Ban ISO có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Giám đốc về việc áp dụng và duy trì hệ thống ISO trong Công ty.

- Đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 theo tiến độ kế hoạch.

Điều 3: Trưởng ban chất lượng có quyền hạn và các chức năng sau:

- Đại diện cho Công ty giải quyết các vấn đề liên quan đến mọi việc xây dựng, duy trì cải tiến hệ thống chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017.

- Phối hợp với các phòng ban để triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017, phối hợp và điều hành ISO để hoàn thành dự án.

- Điều hành Ban ISO soạn thảo để viết và biên tập hệ thống văn bản chất lượng.

- Báo cáo việc thực hiện hệ thống chất lượng đến Ban Giám đốc để xem xét làm cơ sở cải tiến hệ thống chất lượng này.

Điều 4: Thực hiện.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Các CBNV có tên trong danh sách tại điều 1 và CBNV liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc Vinh



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 3/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

5.6 Xem xét của lãnh đạo	29
TIÊU ĐỀ	TRANG
6. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC	30
6.1 Tổng quan	30
6.2 Nguồn nhân lực	30
6.3 Cơ sở hạ tầng	30
6.4 Môi trường làm việc	30
7. TẠO SẢN PHẨM	31
7.1 Hoạch định việc tạo sản phẩm	31
7.2 Quá trình liên quan đến khách hàng	33
7.3 Trao đổi thông tin với khách hàng,	35
7.4 Mua hàng	37
7.5 Sản xuất và cung cấp dịch vụ	39
7.6 Kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường	41
8. ĐO LƯỜNG, PHÂN TÍCH VÀ CẢI TIẾN	42
8.1 Tổng quan	42
8.2 Theo dõi và Đo lường	42
8.3 Kiểm soát sản phẩm không phù hợp	43
8.4 Phân tích số liệu	45
8.5 Cải tiến	46



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 4/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

1. Mục đích :

Mục đích của cuốn sổ tay chất lượng này là nhằm đưa ra một hệ thống các văn bản quản lý đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 17025 đang được lưu hành và áp dụng tại Công ty.

2. Phạm vi áp dụng :

Cuốn sổ tay chất lượng này được áp dụng đối với toàn bộ các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

2.1 Phạm vi áp dụng hệ thống chất lượng của Công ty là:

Thí nghiệm vật liệu xây dựng phòng LAS - XD 228

2.2 Điểm loại trừ:

2.2.1. Thiết kế và triển khai:

Hiện nay do bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là thực hiện Thí nghiệm các mẫu sản phẩm do khách hàng mang tới và quá trình được thực hiện theo các yêu cầu nghiêm ngặt của tiêu chuẩn quy định nên Công ty không thực hiện yêu cầu thiết kế và phát triển (mục 7.3 của tiêu chuẩn ISO17025)

2.2.2. Xác nhận giá trị của các quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ:

Công ty không có các quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ mà tại đó kết quả đầu ra không thể kiểm tra bằng việc theo dõi và đo lường sau đó. Do đó, Công ty không áp dụng mục 7.5.2 .

3. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY:

3.1. Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần GEO Hạ Long
- Giám đốc Công ty: Ông Vũ Ngọc Vinh
- Trụ sở chính: Tổ 2 - Khu 1 - Phường Bãi Cháy - Thành Phố Hạ Long
- TEL: 0333.844.711- 0333.849.928 - FAX: 0333.844711



G.E.O

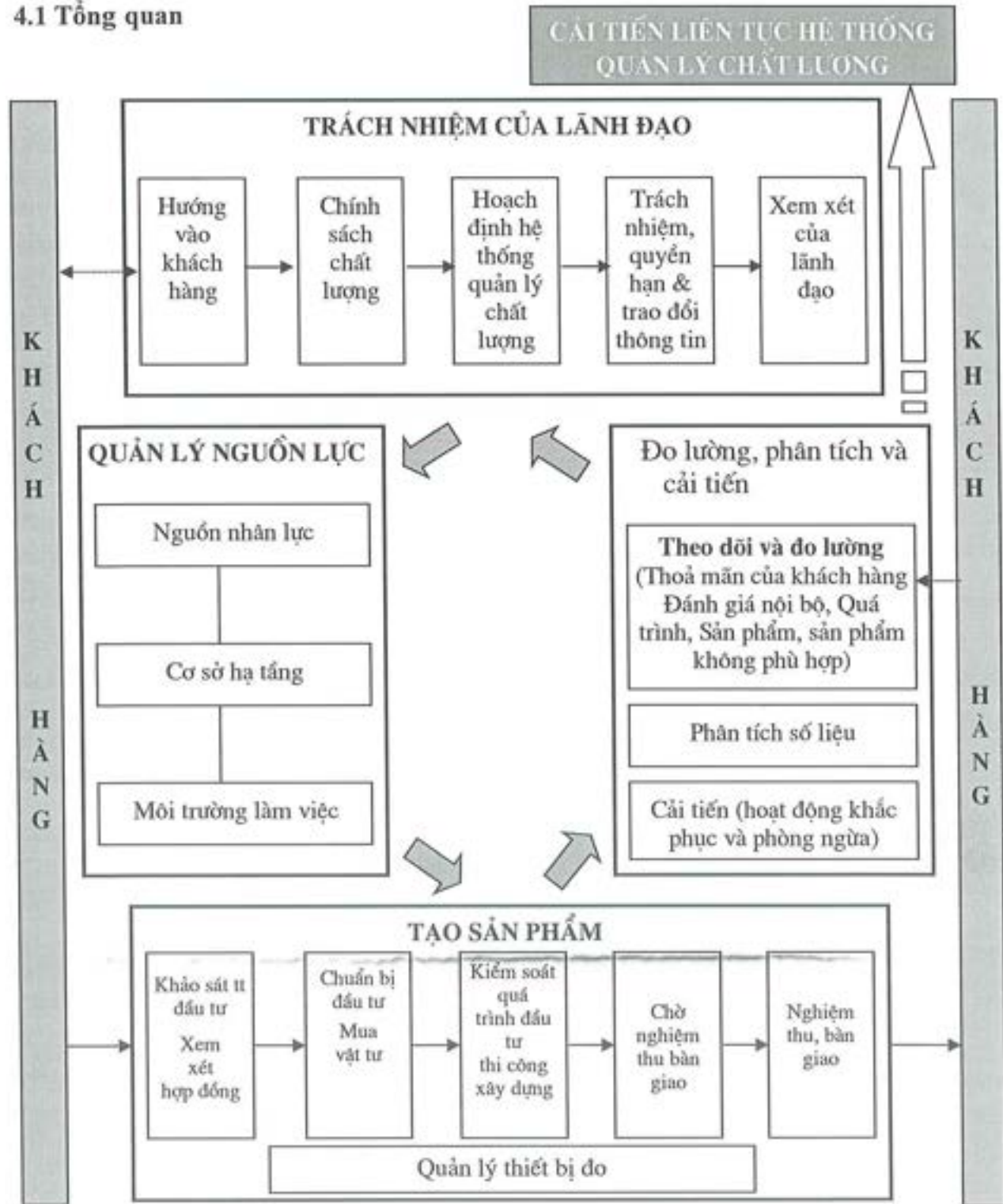
SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 5/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

4. Hệ thống quản lý chất lượng

4.1 Tổng quan



Hệ thống quản lý chất lượng tại Công ty được mô tả như hình trên. Hình trên chứng minh Công ty



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 6/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

đã:

- Xác định các quá trình cần thiết cho hệ thống quản lý chất lượng và việc áp dụng chúng trong Công ty. Các quá trình đó là:
 - Hoạch định hệ thống quản lý chất lượng
 - Nghiên cứu, khảo sát thị trường đầu tư - Xem xét hợp đồng
 - Tiến hành đầu tư - Mua vật tư thiết bị
 - Quá trình tạo sản phẩm
 - Kiểm soát máy móc
 - Kiểm soát thiết bị đo lường và thử nghiệm
 - Kiểm soát cung cấp dịch vụ
 - Bảo quản sản phẩm
 - Kiểm soát sản phẩm không phù hợp
- Xác định trình tự và tương tác giữa các quá trình này (xem hình vẽ trên)
- Đảm bảo các quá trình này được vận hành và kiểm soát bởi:
 - Việc phát hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng
 - Hoạch định hệ thống quản lý chất lượng, và
 - Thực hiện việc xem xét của lãnh đạo
- Cung cấp các nguồn lực và thông tin cần thiết để hỗ trợ việc vận hành và kiểm soát các quá trình này
 - Bổ nhiệm đại diện lãnh đạo về chất lượng
 - Cung cấp các nguồn lực
 - Cung cấp các tài liệu
 - Cung cấp nguồn lực con người
 - Cung cấp cơ sở hạ tầng
 - Cung cấp môi trường làm việc thuận lợi
- Kiểm soát, đo lường và phân tích các quy trình này và thực hiện các hành động cần thiết để đạt được kết quả đề ra và cải thiện liên tục bằng:
 - Việc thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ
 - Thu thập và phân tích số liệu



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 7/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

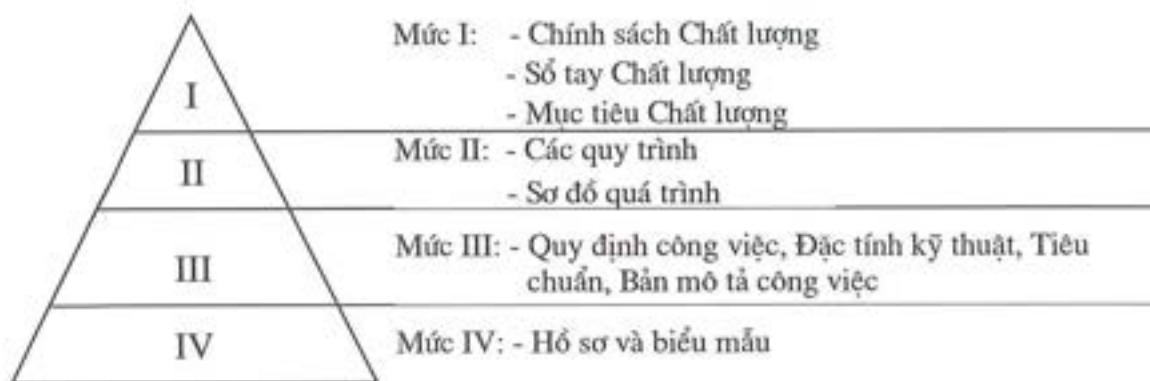
- Đo lường và kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu công trình
- Hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến

4.2. Yêu cầu hệ thống tài liệu :

4.2.1 Tổng quan :

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty chia làm 2 loại tài liệu: Tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài.

Cấu trúc của hệ thống tài liệu như sau:



Mức I:

Chính sách Chất lượng ghi rõ chính sách của Công ty đối với chất lượng. Đại diện lãnh đạo chịu trách nhiệm ban hành, phổ biến và cập nhật chính sách chất lượng.

Sổ tay chất lượng mô tả hệ thống quản lý chất lượng của Công ty. Đại diện chất lượng (QMR) chịu trách nhiệm ban hành, phổ biến và Giám đốc công ty chịu trách nhiệm phê duyệt tài liệu này.

Mục tiêu chất lượng ghi rõ mục tiêu về chất lượng của công ty. Ban giám đốc chịu trách nhiệm ban hành và kiểm soát việc hoàn thành tiêu chất lượng.

Mức II:

Các quy trình và sơ đồ quá trình ghi rõ phương thức hoạt động trong một phòng và /hoặc giữa các phòng

Mức III:

Quy định công việc, Đặc tính kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Sổ tay, Quy định công việc được viết khi cần thiết và được sử dụng trong việc mô tả các hoạt động được thực hiện trong một đơn vị để đảm bảo thống nhất các hoạt động, ổn định chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Các đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật và thực hiện theo các tài liệu này.

Mức IV:

Các hồ sơ, biểu mẫu, sổ sách là bằng chứng cho thấy việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong công ty.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 8/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

4.2.2 Sổ tay chất lượng

Sổ tay chất lượng giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng của công ty. Sổ tay chất lượng bao gồm chính sách chất lượng, phạm vi của hệ thống quản lý chất lượng.

Sổ tay chất lượng ghi rõ các quá trình và sự tương tác giữa các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng. Sổ tay chất lượng cũng tham chiếu đến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng.

4.2.3 Kiểm soát tài liệu

Công ty thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để kiểm soát toàn bộ các tài liệu của hệ thống chất lượng. Đại diện lãnh đạo có trách nhiệm kiểm soát hệ thống văn bản theo tiêu chuẩn ISO9001:2008. Sự kiểm soát bao gồm việc viết, trình bày, phê duyệt, sửa đổi, thay thế và phân phát tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo:

- Tài liệu được phê duyệt bởi người có thẩm quyền trước khi sử dụng
- Tài liệu được phân phát đến người thích hợp có mục đích thích hợp và được sử dụng hiệu quả
- Tài liệu được kiểm soát việc sửa đổi, cập nhật nhằm ngăn chặn việc sử dụng các tài liệu đã lỗi thời

Đối với tài liệu bên ngoài, trách nhiệm kiểm soát thuộc về các đơn vị trong công ty. Các đơn vị có tài liệu bên ngoài có trách nhiệm lập danh mục, đánh mã số, lưu trữ, bảo quản và yêu cầu Đại diện lãnh đạo cập nhật hệ thống khi cần thiết.

Tài liệu áp dụng :

QT423-01 : Quy trình kiểm soát tài liệu

4.2.4 Kiểm soát hồ sơ

Công ty chủ trương thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản nhằm kiểm soát hồ sơ phát sinh trong quá trình thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng. Quy trình này ghi rõ phương pháp cho việc nhận biết, lưu giữ, bảo vệ, truy tìm, thời hạn lưu giữ của các loại hồ sơ trong hệ thống quản lý chất lượng. Tất cả các đơn vị phòng ban có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

Tài liệu áp dụng :

QT420-01 : Quy trình quản lý sắp xếp hồ sơ, tài liệu



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 9/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

5. TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO

5.1 Cam kết của lãnh đạo

Giám đốc Công ty cam kết thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO9001:2008. Cam kết này được chứng minh bằng các hoạt động dưới đây:

- Ban hành chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng
- Thực hiện xem xét của lãnh đạo để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện một cách có hiệu lực và hiệu quả
- Cung cấp đầy đủ các nguồn lực cần thiết

5.2 Hướng vào khách hàng:

Công ty cam kết cải tiến liên tục để cung cấp sản phẩm và dịch vụ ngày một tốt hơn nhằm đáp ứng sự mong đợi của khách hàng. Điều này được chứng minh bởi sự nỗ lực của tất cả các cán bộ, nhân viên, các phòng ban, đơn vị trong công ty, đã cùng nhau đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu trong mọi hoạt động.

Công ty mong đợi những kiến nghị, góp ý, đề xuất, đánh giá từ phía khách hàng. Đó là cơ sở nền tảng giúp công ty trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Tài liệu áp dụng:

QT720-01: Quy trình Xem xét hợp đồng & đấu thầu

QT821-01: Quy trình theo dõi và xử lý phản hồi khách hàng

5.3 Chính sách chất lượng

Giám đốc công ty cam kết đề ra chính sách chất lượng và công bố đến toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Chính sách chất lượng được xây dựng phù hợp với phương hướng phát triển chung của Công ty, thể hiện rõ cam kết đáp ứng các yêu cầu và cải tiến liên tục hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng. Đại diện lãnh đạo có trách nhiệm yêu cầu mọi cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty thấu hiểu và duy trì việc thực hiện.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 10/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Thoả mãn mọi nhu cầu của khách hàng là mục tiêu hàng đầu và xuyên suốt quá trình hình thành & phát triển của công ty

Để thực hiện được định hướng trên, ban lãnh đạo công ty cam kết:

- *Xây dựng thành công và liên tục cải tiến hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO9001:2008*
- *Thường xuyên đổi mới trang thiết bị, công nghệ, đặc biệt là phương pháp làm việc để không ngừng nâng cao năng lực của công ty*
- *Xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm cao*

Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đều phải ý thức được rằng sự thịnh vượng chỉ đạt được khi nhu cầu khách hàng được thoả mãn.

Hạ Long, Ngày 01 tháng 03 năm 2025

Giám đốc Công ty

GIÁM ĐỐC
Nữ Ngọc Vinh



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 11/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

5.4 Mục tiêu chất lượng và hoạch định hệ thống quản lý chất lượng :

5.4.1 Mục tiêu chất lượng :

Mục tiêu chất lượng được Ban lãnh đạo xây dựng hàng năm để thực hiện chính sách chất lượng. Mục tiêu chất lượng được xây dựng phù hợp với mục đích chung của Công ty, được lượng hoá và nhất quán với chính sách chất lượng. Đại diện lãnh đạo lập kế hoạch triển khai chi tiết việc thực hiện mục tiêu đến từng đơn vị (theo mục 5.4.2)

Trưởng các đơn vị căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch thực hiện mục tiêu của Công ty sẽ xây dựng mục tiêu riêng của đơn vị mình, lập kế hoạch thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu theo từng thời kỳ (theo mục 5.4.2)

Nếu mục tiêu không thực hiện được, Đại diện lãnh đạo phối hợp với trưởng các đơn vị thực hiện việc phân tích, đề ra biện pháp theo qui trình hoạt động khắc phục phòng ngừa và cải tiến theo QT850 -01.

5.4.2 Hoạch định hệ thống quản lý chất lượng :

Giám đốc đảm bảo hoạch định hệ thống quản lý chất lượng được tiến hành thông qua việc xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý, thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống theo các yêu cầu của tiêu chuẩn cũng như mục tiêu chất lượng.

Đại diện lãnh đạo có trách nhiệm đảm bảo tính nhất quán của hệ thống quản lý chất lượng được duy trì khi hoạch định và thực hiện các thay đổi về hệ thống quản lý chất lượng.

Các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng cần bổ xung thay đổi;

Các nguồn lực cần thiết, bao gồm nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng;

Việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng.

Việc hoạch định chất lượng được thể hiện qua bản Kế hoạch chất lượng bao gồm các nội dung sau:

- Những công việc phải làm
- Trách nhiệm thực hiện từng công việc cụ thể
- Thời hạn hoàn thành
- Kết quả thực hiện

Tài liệu áp dụng

QT541-01 : Lập và theo dõi mục tiêu chất lượng

5.5. Trách nhiệm, quyền hạn và sự trao đổi thông tin:

5.5.1 Trách nhiệm và quyền hạn:



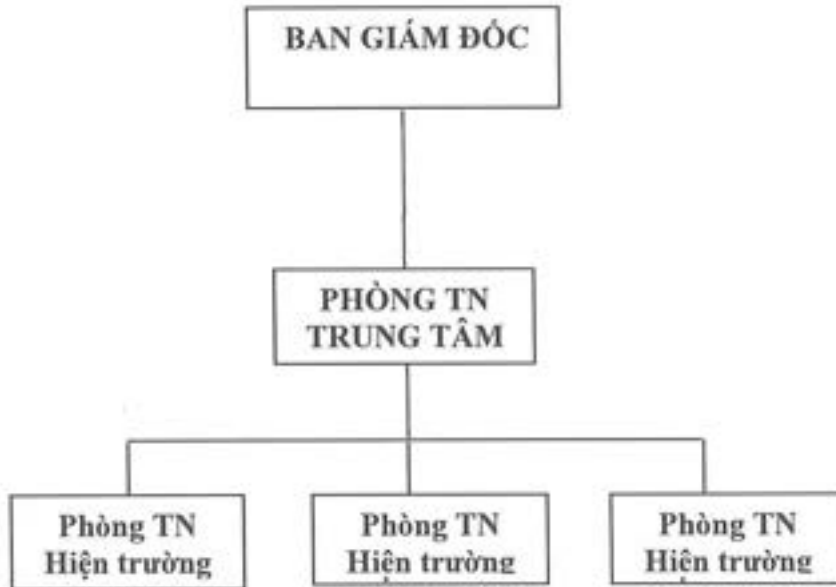
G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 12/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

5.5.1.1. Sơ đồ tổ chức Công ty:



5.5.1.2 Trách nhiệm quyền hạn của Ban giám đốc và các phòng

1. Ban Giám đốc:

* Chức năng:

- Đại diện cao nhất của công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh (về tư cách pháp nhân)
- Đề ra chiến lược phát triển công ty và chính sách chất lượng của công ty.
- Phối hợp các phòng ban đơn vị thực hiện và cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- Quan tâm, giải quyết mọi yêu cầu thích hợp của cán bộ công nhân viên và các chính sách xã hội theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

* Nhiệm vụ:

- Duy trì, phối hợp hoạt động các phòng ban đơn vị, cán bộ công nhân viên thực hiện mục tiêu, chính sách chất lượng của công ty đề ra.
- Giải quyết công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên đầy đủ.
- Am hiểu và giải quyết các mối quan hệ trong công ty, ngoài công ty và các đối tác trong sản xuất kinh doanh, để đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài của công ty.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 13/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

- Xây dựng, duy trì mối quan hệ và phát triển uy tín của công ty trong môi trường sản xuất kinh doanh hiện nay, làm hài lòng mọi khách hàng khi quan hệ.

- Xây dựng công ty đủ mạnh để có uy tín ở thị trường trong và ngoài nước.

2. Phòng Tổ chức Hành chính

a. Chức năng

Tham mưu giúp việc cho ban lãnh đạo công ty trong công tác nhân sự hành chính, quản trị văn phòng

b. Nhiệm vụ:

❖ Công tác hành chính:

- Quản lý con dấu của cơ quan (kể cả dấu chức danh) đồng thời với việc giải quyết các thủ tục hành chính pháp lý và sử dụng con dấu.

- Quản lý hồ sơ lưu trữ theo sổ danh mục dễ tìm. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành máy văn phòng: Máy tính, máy in, máy photocoppi, máy Fax, điện thoại. Đánh máy và nhân bản các loại công văn giấy tờ phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và quan hệ giao dịch của Công ty.

- Mua sắm vật tư, trang thiết bị văn phòng theo kế hoạch được Giám đốc Công ty duyệt.

❖ Công tác quản trị:

- Tham gia quản lý tài sản tại chỗ của cơ quan: Phòng có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà nước, quán triệt tới từng thành viên trong tổ bảo vệ, nghiên cứu đề xuất phương án bảo vệ tài sản, phòng chống cháy nổ, và các tệ nạn xã hội khác. Định kỳ 06 tháng, cả năm kiểm kê các tài sản hiện có của Công ty báo cáo lãnh đạo Công ty và cấp trên có liên quan.

➤ Công tác tổ chức cán bộ:

1 - Đề xuất với Giám đốc công tác sắp xếp lại các phòng quản lý điều hành Công ty, các phòng ban trực thuộc phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty theo từng thời kỳ.

2 - Đề xuất, tuyển chọn, bố trí phân công công tác đối với cán bộ trong Công ty với Giám đốc.

3 - Tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng và phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

4 - Thực hiện việc lập quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, thay thế.

5 - Làm thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm và luân chuyển cán bộ theo công việc và yêu cầu của Giám đốc Công ty.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 14/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

6 - Tổ chức, thực hiện công tác nhận xét đánh giá cán bộ hàng năm, lập báo cáo gửi cấp quản lý.

7 - Thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

8 - Thực hiện kiểm tra công tác cán bộ, giải quyết các khiếu nại, tố cáo cán bộ.

➤ Công tác quản lý lao động và quản lý tiền lương:

1 - Xây dựng chức danh công việc và định biên lao động cho các phòng quản lý, các đơn vị trực thuộc phù hợp với chiến lược phát triển Công ty.

2 - Bố trí sắp xếp lao động, điều động, luân chuyển lao động theo yêu cầu SXKD trong khối quản lý và giữa các đơn vị trực thuộc Công ty.

3 - Sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, thực hiện chế độ quản lý báo cáo theo phân cấp quản lý lao động.

4 - Quản lý công tác đào tạo, tuyển dụng, thi tay nghề, nâng bậc chuyển ngạch lương hàng năm đối với người lao động.

5 - Xây dựng quy chế, kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, thi tay nghề nội bộ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện.

6 - Xây dựng quy chế quản lý lao động, quản lý tiền lương trong Công ty, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện.

7 - Thống kê, báo cáo thường xuyên với Giám đốc Công ty những biến động về lao động, tiền lương, chế độ, chính sách của Nhà nước v.v...

8 - Xây dựng quy chế thu hút nhân tài, khen thưởng cho người lao động có tay nghề cao, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng tốt công nghệ mới vào trong SXKD.

➤ Quản lý thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động:

1 - Phối hợp với các phòng quản lý khác xây dựng và trình duyệt và ban hành các quy định, quy chế nội bộ cơ quan.

2 - Xây dựng quy chế khoán biên chế, quy chế phân phối lại quỹ lương, quỹ thưởng ... khi có yêu cầu của Giám đốc.

3 - Kiểm tra quản lý chế độ trả lương, lập và tham gia hội đồng xét lương định kỳ hàng năm. Theo dõi, tổng hợp các báo cáo thực hiện của các đơn vị



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 15/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

cơ sở.

4 - Quản lý thực hiện các chế độ, chính sách BHXH cho toàn công ty, đảm bảo đúng, đủ cho người lao động.

5 - Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán giải quyết các chế độ: BHXH, BHYT, ốm đau, thai sản, nghỉ hưu, nghỉ phép, tử tuất, tai nạn ... cho người lao động.

6 - Lưu giữ và bảo quản hồ sơ CBCNV và người lao động trong Công ty theo chế độ bảo mật.

7 - Quản lý công tác an toàn lao động và thi đua khen thưởng.

3. Phòng Kế toán tài chính:

a. Chức năng:

- Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo công ty, hạch toán, phân tích hoạt động kinh tế phản ánh đầy đủ các thông tin một cách chính xác, kịp thời tình hình tài chính của công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để giúp cho lãnh đạo tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Nhiệm vụ:

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính và các báo cáo thống kê theo qui định pháp lệnh thống kê kế toán.

- Xây dựng qui chế tài chính của công ty, hướng dẫn và quản lý cấp trên công tác hạch toán báo sổ cho các đội, và các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thường xuyên kiểm tra uốn nắn hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc công ty theo qui chế.

- Theo dõi và giám sát bảo toàn nguồn vốn, sự tăng giảm nguồn vốn giao cho các đơn vị trực thuộc.

- Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện pháp lệnh kế toán, luật doanh nghiệp nhà nước, các qui định nội bộ công ty.

- Kết hợp cùng với phòng ban khác để xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh từng thời kỳ.

- Tổ chức kiểm tra phục vụ yêu cầu kiểm toán đối với công ty.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 16/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

- Nhiệm vụ đối ngoại: Quan hệ các cơ quan chỉ cục tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng và các đơn vị liên quan của Thành phố.

4. Phòng thí nghiệm Trung tâm

a) Chức năng:

- Là bộ phận trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát các công việc chuyên môn.

b) Nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai kế hoạch Công ty giao xuống các phòng thí nghiệm hiện trường.
- Khai thác thị trường và tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng.
- Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các hoạt động của các phòng Thí nghiệm hiện trường.
- Lập và thực hiện các thủ tục bàn giao sản phẩm với khách hàng.

5. Phòng thí nghiệm Hiện trường

- Tổ chức thực hiện các công việc do trên giao
- Quản lý, bảo quản, sử dụng máy móc thiết bị, dụng cụ kỹ thuật, vật tư vật liệu do Công ty cung cấp và trang bị.
- Trực tiếp triển khai công tác thí nghiệm các chỉ tiêu theo yêu cầu của khách hàng và trong phạm vi cho phép.

5.5.1.3 Trách nhiệm và quyền hạn của các vị trí trong Công ty:

Để thực hiện hệ thống quản lý chất lượng một cách hiệu quả, tại các phòng ban, trưởng các đơn vị căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình để phân bổ công việc cho từng tổ nhóm, cá nhân có liên quan.

Tài liệu áp dụng:

Không áp dụng

5.5.2 Đại diện lãnh đạo:

a. Chức năng: Là đại diện của lãnh đạo trong việc xây dựng, thực hiện và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2008

b. Nhiệm vụ:

- Có trách nhiệm thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng trong toàn công ty
- Có trách nhiệm báo cáo tới lãnh đạo cao nhất về kết quả hoạt động của hệ thống quản lý chất



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 17/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

lượng và các đề xuất cải tiến Hệ thống

- Đảm bảo tuyên truyền tới mọi cán bộ công nhân viên nhận thức được tầm quan trọng của việc đáp ứng yêu cầu khách hàng cũng như Hệ thống quản lý chất lượng
- Chịu trách nhiệm điều phối viên đối với các tổ chức bên ngoài về các vấn đề có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng

5.5.3. Trao đổi thông tin nội bộ:

Công ty thiết lập và duy trì một hệ thống thông tin nội bộ để đảm bảo các thông tin được truyền đạt có hiệu quả trong công ty

- 1) Thông tin truyền miệng: Loại hình thông tin này được thực hiện thông qua nói trực tiếp hoặc thông qua điện thoại và được sử dụng để truyền thông tin: Giữa cấp hơn tới cấp dưới trực tiếp hoặc ngược lại. Hoặc giữa các cấp tương đương
- 2) Thông tin điện tử: các thông tin mang tính chất trao đổi có thể được thực hiện thông qua mạng máy tính. Nếu thông tin không quan trọng nó cũng được coi là các thông tin chính thức
- 3) Thông tin chính thức: Thông tin chính thức được thực hiện thông qua dạng văn bản
 - Văn bản được gửi thông qua các cuộc họp, phân phát trực tiếp hoặc thông báo thông qua các bảng tin

5.6. Xem xét của lãnh đạo

Ban lãnh đạo có trách nhiệm thực hiện việc xem xét của lãnh đạo hàng năm nhằm đảm bảo:

- Hệ thống quản lý chất lượng luôn luôn đạt được mục tiêu đề ra
- Hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện có hiệu lực và hiệu quả
- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của công ty và tiêu chuẩn ISO9001:2008

Tài liệu áp dụng

QT560-01 : Quy trình họp xem xét của lãnh đạo

6. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC

6.1 Tổng quan :

Để tạo điều kiện tốt cho việc nâng cao hơn sự thỏa mãn khách hàng, Giám đốc công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực như con người, cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc

6.2 Nguồn nhân lực :

- Phòng tổ chức - HC có trách nhiệm xác định các vị trí có ảnh hưởng tới chất lượng, tập hợp các nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch và tiến hành các hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo những vị trí



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 18/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

có ảnh hưởng tới chất lượng có đủ khả năng thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Trưởng các đơn vị có trách nhiệm xác định nhu cầu đào tạo chuyển bộ phận tổ chức lao động, đánh giá lại hiệu lực công tác đào tạo đối với nhân viên được đào tạo theo định kỳ.
- Phòng tổ chức-HC lưu toàn bộ hồ sơ của các cá nhân có ảnh hưởng tới chất lượng liên quan đến kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ, học vấn.

Tài liệu áp dụng

Không áp dụng

6.3 Cơ sở hạ tầng:

Giám đốc cam kết cung cấp đầy đủ và duy trì cơ sở hạ tầng đảm bảo quá trình sản xuất như:

- Cơ sở vật chất tiện nghi và phù hợp
- Công nghệ đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu khách hàng
- Các thiết bị văn phòng và phương tiện truyền thông tiện nghi, thuận lợi cho quá trình sản xuất
- Bộ phận phụ trách thiết bị sản xuất có trách nhiệm duy trì tính hoạt động liên tục của thiết bị sản xuất thông qua lập kế hoạch và bảo dưỡng định kỳ hàng năm. Hồ sơ được lập cho từng thiết bị chính có ảnh hưởng tới chất lượng và được cập nhật kịp thời sau khi bảo dưỡng hoặc sửa chữa.

Tài liệu áp dụng

QT760-01 : Quy trình quản lý thiết bị đo

6.4 Môi trường làm việc:

Với dây chuyền công nghệ phù hợp với quá trình thi công, công ty đảm bảo cung cấp môi trường làm việc tốt cả về tâm lý và vật lý để đạt được sự phù hợp với các yêu cầu về sản phẩm và đáp ứng yêu cầu khách hàng. Các qui định về an toàn lao động được Giám đốc cam kết việc thực hiện theo đúng qui định của các cơ quan có thẩm quyền.

Tài liệu áp dụng

Không áp dụng

7. TẠO SẢN PHẨM

7.1 Hoạch định tạo sản phẩm:

Công ty lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để cung cấp sản phẩm và dịch vụ. Hoạch định việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ đảm bảo tính nhất quán với các yêu cầu của các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng.

Trong quá trình hoạch định, Công ty xác định các vấn đề sau



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 19/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

- Các mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ được thể hiện rõ trong các kế hoạch tương ứng.
- Các quy trình, tài liệu, hướng dẫn cần thiết cho hoạt động sản xuất.
- Xác định và cung cấp các nguồn lực cần thiết cho việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ.
- Các hoạt động kiểm tra, giám sát, theo dõi cần thiết đối với hệ thống
- Lưu trữ các hồ sơ cần thiết để cung cấp bằng chứng về việc thực hiện và kết quả sản phẩm đáp ứng yêu cầu.

Tài liệu áp dụng:

QT720-01 : Quy trình Xem xét hợp đồng

QT751-01 : Quy trình Kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm

7.2 Quá trình liên quan đến khách hàng:

7.2.1 Tổng quan:

Đáp ứng yêu cầu khách hàng là công việc quan trọng nhất, do đó Công ty thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để thực hiện và lập thành văn bản việc xem xét hợp đồng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

7.2.2 Xem xét các yêu cầu liên quan đến sản phẩm:

Trước khi nhận một hợp đồng hay một đơn đặt hàng, phòng TNTT chịu trách nhiệm thu thập và xác nhận các yêu cầu của khách hàng đồng thời phối hợp xem xét nội bộ để đảm bảo:

- Các yêu cầu của hợp đồng được xác định, hiểu và lập bằng văn bản đầy đủ
- Bất cứ sự khác biệt nào liên quan đến các yêu cầu trước đây của khách hàng được nhận biết và giải quyết
- Xác định các thiết bị và dịch vụ mới
- Các nguồn lực, các thiết bị, con người cần thiết có thể được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng
- Lập kế hoạch thực hiện đảm bảo giao hàng đúng chất lượng và tiến độ

Phòng TNTT và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp việc ký kết hợp đồng với khách hàng và phân phát hợp đồng đến các phòng ban có liên quan

7.2.3 Trao đổi thông tin với khách hàng:

Phòng TNTT chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị trong việc trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả việc sửa đổi hợp đồng. Bất kỳ sự sửa đổi nào trong hợp đồng phải được xác nhận, xem xét và thông báo đến các đơn vị có liên quan.



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 20/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

Tài liệu áp dụng :

QT720-01 : Xem xét hợp đồng

7.3 Thiết kế và phát triển:

Do việc thiết kế sản phẩm không được thực hiện ở công ty, do đó phần này không được áp dụng cho công ty

7.4 Mua hàng

Vật tư đầu vào phục vụ công tác thí nghiệm hàng ngày tại các phòng thí nghiệm của công ty không ảnh hưởng đến kết quả đầu ra nên công ty không áp dụng mục này của tiêu chuẩn.

Tài liệu áp dụng

Không áp dụng

7.5 Sản xuất và cung cấp dịch vụ

7.5.1 Kiểm soát sản xuất và cung cấp dịch vụ

7.5.1.1 Tổng quan

Phòng TNIT có trách nhiệm đảm bảo việc kiểm soát quá trình sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ và lập kế hoạch thực hiện. Các hoạt động này gồm

- Tất cả các thông tin mô tả đặc tính được xác định trước khi sản xuất
- Các quá trình của sản xuất và việc cung cấp dịch vụ được kiểm soát thông qua việc phê chuẩn, kiểm tra và hướng dẫn bằng văn bản thích hợp.

Các công việc chuẩn bị được thực hiện trước khi bắt đầu quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo

- Có sẵn các quá trình sản xuất cũng như các quá trình cung cấp dịch vụ
 - Có sẵn các thiết bị, máy móc, dụng cụ
 - Có sẵn các nguồn nhân lực
 - Có sẵn các hướng dẫn, qui định công việc
- Máy móc, thiết bị, dụng cụ của quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ được kiểm soát và bảo dưỡng theo một cách thích hợp, đảm bảo trong điều kiện tốt và sẵn sàng để sử dụng
 - Các thiết bị đo lường và kiểm tra được kiểm soát, bảo dưỡng và hiệu chỉnh thường xuyên để đảm bảo chúng hoạt động chính xác, an toàn và sẵn sàng để sử dụng
 - Các quá trình kiểm tra được thực hiện thường xuyên, đảm bảo rằng 100% sản phẩm đầu ra đáp ứng đặc tính kỹ thuật đã đăng ký của sản phẩm và đặc tính kỹ thuật được yêu cầu bởi khách hàng và pháp luật



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 21/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

Tài liệu áp dụng :

QT720- 01 : Quy trình Xem xét hợp đồng

QT751- 01 : Quy trình Kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm

7.5.2 Xác nhận giá trị sử dụng của các quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ:

Không áp dụng

7.5.3 Nhận biết và truy tìm nguồn gốc sản phẩm:

Đối với Công tác Thí nghiệm, Công ty chủ trương thiết lập và duy trì một quá trình giao việc bằng văn bản từ Công ty – Phòng CNTT- Phòng TNHT và các văn bản tương ứng (quy trình kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm) để đảm bảo cho việc tìm kiếm và truy nguồn gốc sản phẩm trong suốt quá trình thi công, nghiệm thu, bàn giao.

7.5.4 Tài sản của khách hàng:

Các đơn vị có liên quan được giao quản lý tài sản của khách phải có trách nhiệm quản lý, bảo quản bằng việc ghi số lượng, chất lượng, tình trạng tài sản thông qua sổ sách, biên bản tiếp nhận.

Trong quá trình thi công và cung cấp dịch vụ, tất cả các bộ phận có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản của khách hàng tránh tình trạng xuống cấp chất lượng. Sau khi hoàn thành công việc phải có trách nhiệm bàn giao lại cho khách hàng theo đúng cam kết

Đối với công trình, dự án của khách hàng trong quá trình chờ bàn giao, bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm quản lý.

Tài liệu áp dụng

QT751-01 : Quy trình Kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm

7.5.5. Bảo toàn sản phẩm:

Các đơn vị có liên quan phải có trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát việc bảo quản vật mẫu của công trình đang thử nghiệm hay chờ bàn giao theo đúng quy trình quản lý chất lượng nhằm tránh hư hỏng, mất mát, hay sự xuống cấp.

7.5.5.1. Vận chuyển:

Quá trình chuyển giao sản phẩm được thực hiện theo phương pháp hợp lý để phòng tránh sản phẩm khỏi bị xuống cấp chất lượng hay các thiệt hại khác.

7.5.5.2. Bảo quản:

Trong quá trình chờ bàn giao cho chủ đầu tư và khách hàng, Phòng TN chịu trách nhiệm bảo quản sản phẩm và kết quả phân tích theo quy định.

	<h1>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</h1>	- Mã số: STCL - Lần ban hành: 02 - Ngày: 01/03/2025. Trang: 22/ 25
<i>Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025</i>		

Tài liệu áp dụng :

QT751-01 : Quy trình Kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm

7.6. Kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường.

Bộ phận kiểm soát thiết bị đo phòng TNTT có trách nhiệm thiết lập và duy trì các quy trình bằng văn bản để kiểm soát, hiệu chỉnh và duy trì thiết bị theo dõi, kiểm tra và thử nghiệm theo một cách phù hợp để đảm bảo rằng việc kiểm soát, đo lường và thử nghiệm được thực hiện chính xác. Các thiết bị có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hoặc dùng để giao dịch với khách hàng bắt buộc phải nối với chuẩn quốc gia.

Tài liệu áp dụng

QT760-01 : Quy trình kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường

8. ĐO LƯỜNG, PHÂN TÍCH VÀ CẢI TIẾN

8.1 Tổng quan:

Công ty luôn mong muốn cải tiến để đáp ứng sự mong đợi của khách hàng. Các hoạt động dưới đây chứng minh điều này

- a. Thực hiện kiểm tra để xác nhận sự phù hợp của sản phẩm
- b. Sử dụng kỹ thuật thống kê trong phân tích số liệu về nhà cung cấp, chất lượng trong sản xuất, cung cấp dịch vụ, phản nản của khách hàng để chỉ ra sự cố và do đó nghiên cứu để đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa
- c. Thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ thường xuyên để xem xét Hệ thống quản lý chất lượng của công ty, chỉ ra những điểm không phù hợp và từ đó đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa
- d. Thực hiện xem xét của lãnh đạo để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của công ty hoạt động có hiệu quả

Tài liệu áp dụng :

QT560-01 : Quy trình họp xem xét của lãnh đạo

QT822-01 : Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ

8.2. Theo dõi và đo lường

8.2.1 Sự thoả mãn của khách hàng

Sự thoả mãn của khách hàng là tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá hoạt động của hệ thống chất lượng của công ty. Phòng TNTT và các đơn vị hiện trường thu thập những ý kiến, đánh giá, kiến nghị, báo cáo từ khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Phòng TNTT và các đơn vị hiện trường có trách nhiệm thống kê tình trạng sai hỏng sản phẩm trong quá trình thi công



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 23/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

xây lắp hay cung cấp dịch vụ, hay trong quá trình sử dụng công trình hoặc dịch vụ trên. Những số liệu này được phân tích và xem xét. Dựa trên kết quả của việc phân tích và xem xét, hành động khắc phục và phòng ngừa được thực hiện để cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt hơn nhằm đáp ứng sự mong đợi của khách hàng.

Tài liệu áp dụng :

QT821-01 : Quy trình theo dõi và xử lý phản hồi khách hàng

8.2.2 Đánh giá chất lượng nội bộ :

Công việc đánh giá chất lượng nội bộ được Đại diện lãnh đạo tổ chức thường xuyên nhằm xem xét:

- Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO9001:2008 cũng như các yêu cầu về quản lý của công ty.
- Hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng và thực hiện hiệu quả.

Đánh giá chất lượng nội bộ được thực hiện ít nhất 2 lần một năm và mỗi bộ phận trong công ty phải được đánh giá ít nhất một lần một năm. Đánh giá chất lượng nội bộ được thực hiện bởi những người có đủ năng lực và tập trung vào những công việc sau:

- Kiểm tra sự phù hợp của các văn bản quy định và các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng tại mỗi bộ phận
- Kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm và dịch vụ dựa trên tiêu chuẩn được quy định
- Chỉ ra sự không phù hợp và do đó yêu cầu hành động khắc phục, phòng ngừa và cải thiện tại mỗi bộ phận đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các hành động này

Tài liệu áp dụng :

QT822-01 : Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ

8.2.3 Theo dõi và đo lường các quá trình:

Mọi bộ phận trong Công ty thực hiện việc kiểm tra và đo lường các quá trình thông qua các hoạt động đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo, thu thập thông tin, phân tích và cải tiến. Những số liệu này là cơ sở cho việc đánh giá sự hoạt động của các quá trình. Khi kết quả đề ra không đạt được, hành động khắc phục, phòng ngừa được thực hiện.

Tài liệu áp dụng :

QT560-01 : Quy trình họp xem xét của lãnh đạo

QT850-01 : Quy trình Hành động khắc phục phòng ngừa và cải tiến

QT822-01 : Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 24/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

8.2.4 Theo dõi và đo lường sản phẩm:

Công ty có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đo lường chất lượng công trình trong suốt quá trình thi công, cũng như quá trình bảo hành công trình theo đúng các quy định, quy phạm tương ứng.

Tài liệu áp dụng :

QT751-01 : Kiểm soát các phép thử trong phòng thí nghiệm

8.3 Kiểm soát sản phẩm không phù hợp

Trong quá trình thi công, phòng TNHT & TNNT phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra nhằm tránh việc mua sản phẩm không phù hợp, thi công sai kỹ thuật, không đúng thiết kế..

Tài liệu áp dụng :

QT830-01 : Quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp

8.4. Phân tích số liệu:

Phòng TNNT và Phòng TNHT thực hiện việc thu thập số liệu và phân tích để đánh giá sự phù hợp và hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

Số liệu sau được thu thập và phân tích:

a. Sự thoả mãn của khách hàng bao gồm:

- Số liệu về chất lượng sản phẩm
- Số liệu về dịch vụ bảo hành
- Số liệu về dịch vụ công cộng
- Số liệu về công tác quản lý
- Yêu cầu và phản nản từ khách hàng

b. Sự phù hợp của các yêu cầu của sản phẩm

- Tỷ lệ lỗi của sản phẩm trong suốt quá trình thi công và thí nghiệm
- Các vấn đề về thay đổi thiết kế

c. Thực hiện các quá trình

- Tình hình thực hiện các quá trình thí nghiệm
- Tình hình thực hiện các quá trình nghiệm thu bàn giao
- Tình hình thực hiện các quá trình sửa chữa TB

Tài liệu áp dụng :

Không áp dụng



G.E.O

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

- Mã số: STCL
- Lần ban hành: 02
- Ngày: 01/03/2025.
Trang: 25/ 25

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025

8.5. Cải tiến

8.5.1. Cải tiến liên tục:

Công ty mong muốn chính sách cải tiến liên tục. Điều này được chứng minh bằng việc thu thập và phân tích số liệu cũng như thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ, xem xét của lãnh đạo. Những hoạt động này là cơ sở cho việc cải tiến không ngừng trong công ty. Mặt khác, công ty ban hành quy định cho việc trao giải thưởng để khuyến khích các nhân viên trong công ty tham gia vào việc cải tiến.

Tài liệu áp dụng :

QT560-01 : Quy trình họp xem xét của lãnh đạo

QT850-01 : QT hành động khắc phục phòng ngừa và cải tiến

QT822-01 : Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ

8.5.2. Hành động khắc phục

8.5.3. Hành động phòng ngừa

Công ty chủ trương thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để các đơn vị, phòng ban thực hiện hành động khắc phục và phòng ngừa. Hành động khắc phục và phòng ngừa bao gồm điều tra chất lượng của sản phẩm, quá trình và hệ thống và phân nản của khách hàng, hành động khắc phục và phòng ngừa được đưa ra để loại trừ nguyên nhân của sự không phù hợp nhằm ngăn chặn sự tái diễn sự không phù hợp và cải tiến liên tục sản phẩm cũng như các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng của công ty.

Tài liệu áp dụng :

QT850-01 : QT hành động khắc phục phòng ngừa và cải tiến

QUYẾT ĐỊNH

*(Về việc Ban hành hệ thống danh mục tài liệu nội bộ được kiểm soát
theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017)*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần GEO Hạ Long;
- Xét đề xuất của Ban soạn thảo ISO 17025:2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành hệ thống danh mục tài liệu phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 của Công ty theo phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà phụ trách phòng thí nghiệm và các phòng ban chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Ban chỉ đạo ISO có nhiệm vụ phổ biến, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./..

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG
GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HIỆN HÀNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần/ngày ban hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Sổ tay chất lượng	STCL	Lần 02/ngày 01/03/2025	
2.	Quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật	QT.01	Lần 02/ngày 01/03/2025	
3.	Quy trình duy trì và cải tiến hệ thống quản lý	QT.02	Lần 02/ngày 01/03/2025	
4.	Quy trình giải quyết khiếu nại phàn nàn	QT.03	Lần 02/ngày 01/03/2025	
5.	Quy trình đào tạo	QT.04	Lần 02/ngày 01/03/2025	
6.	Quy trình mua hàng hóa dịch vụ	QT.05	Lần 02/ngày 01/03/2025	
7.	Quy trình xem xét các yêu cầu, đề nghị, hợp đồng	QT.06	Lần 02/ngày 01/03/2025	
8.	Quy trình thực hiện hợp đồng nhà thầu phụ	QT.07	Lần 02/ngày 01/03/2025	
9.	Quy trình dịch vụ đối với khách hàng	QT.08	Lần 02/ngày 01/03/2025	
10.	Quy trình kiểm soát dữ liệu điện tử	QT.09	Lần 02/ngày 01/03/2025	
11.	Quy trình kiểm soát việc thử nghiệm không phù hợp	QT.10	Lần 02/ngày 01/03/2025	
12.	Quy trình đảm bảo điều kiện môi trường thử nghiệm	QT.11	Lần 02/ngày 01/03/2025	
13.	Quy trình lập và phê duyệt phương pháp thử nghiệm	QT.12	Lần 02/ngày 01/03/2025	
14.	Quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm	QT.13	Lần 02/ngày 01/03/2025	
15.	Quy trình đánh giá độ không đảm bảo đo	QT.14	Lần 02/ngày 01/03/2025	
16.	Quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm	QT.15	Lần 02/ngày 01/03/2025	
17.	Quy trình đảm bảo chất lượng kết quả đo thử nghiệm	QT.16	Lần 02/ngày 01/03/2025	
18.	Quy trình quản lý số liệu đo gốc và kết quả thử nghiệm	QT.17	Lần 02/ngày 01/03/2025	

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần/ngày ban hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19.	Quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng	QT.18	Lần 02/ngày 01/03/2025	

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc áp dụng phương pháp thử nghiệm cho phòng thí nghiệm)

**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần kiểm nghiệm khoa học công nghệ.

- Xét đề xuất của Ban soạn thảo ISO 17025:2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành áp dụng phương pháp thử cho phòng kiểm định và thí nghiệm xây dựng (Có danh mục sản phẩm, phương pháp thử kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng thử nghiệm, cán bộ Quản lý kỹ thuật có trách nhiệm phổ biến và theo dõi áp dụng phương pháp thử.

Điều 3. Các nhân viên trong Phòng thí nghiệm có trách nhiệm thực hiện thử nghiệm áp dụng tài liệu phương pháp thử trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEO
HẠ LONG**
TỈNH QUẢNG NINH
M.S.D.N. 18020
C.T.C.P.
GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

DANH SÁCH SẢN PHẨM, PHƯƠNG PHÁP THỬ

(Kèm theo Quyết định số 31/2025/QĐ-GEO ngày 10 tháng 05 năm 2025)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG	
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009
2	Độ mịn, khối lượng riêng, thành phần của xi măng	TCVN 13605:2023 TCVN 141:2023 ASTM C430 ASTM C188 ASTM C204 AASHTO T133 AASHTO T153 ASHTO T192
3	Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 6016:2011 TCVN 3736:1982 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 ASTM C359 TCVN 9488:2012
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022 ASTM C31/C31M BS EN 12350-1
6	Xác định độ sụt, độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022 ASTM C1611 ACI 211, ACI 318 ASTM C143/C143M AASHTO T119 EN 12350-2
7	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế, hỗn hợp bê tông	TCVN 5574:2012 TCVN 9340:2012
8	Phương pháp VEBE xác định độ cứng của bê tông	TCVN 3107:2022 ASTM C1170
9	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM, C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6 BS 1881 -Part 107-199
10	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M AASHTO T158

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		EN 12350-4
11	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993 ASTM D2850 ASTM D4767
12	Xác định hàm lượng bọt khí trong bê tông	TCVN 3111:2022 BS EN 12350-7 ASTM C173 ASTM C231 AASHTO T152
13	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127 EN 12390-7 BS 1881 -Part 114
14	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122
15	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022 ASTM C131
16	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138
17	Xác định độ chống thấm nước, chiều sâu thấm nước dưới áp lực	TCVN 3116:2022 ASTM C403/403M ASTM C1585 EN 12390-8 TCVN 8219:2009 ASTM C1585 BS EN 12390-8
18	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157 AASHTO T160
19	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M BS 1881-part 116, AASHTO T22M/T22 EN 12390-3
20	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293/ C293M
21	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa, ép chế	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M AASHTO T198 EN 12390-6 TCVN 8862:2011
22	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M
23	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338 :2012, ASTM C403/C403M

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		AASHTO T197M/T197
24	Xác định tỷ lệ hấp thụ nước của bê tông xi măng	ASTM C1585
25	Xác định độ chảy lan của bê tông tự chèn	TCVN 12209:2018
26	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239-2006
27	Xác định độ pH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẼM	
28	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
29	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt <0.075mm	TCVN 7572-02:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012, AASHTO T11
30	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
31	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-04,05:2006, AASHTO T85, TCVN 8735:2012
32	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-06:2006, ASTM C29, TCVN 6221:1997
33	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-07:2006, ASTM C70, TCVN 6221:1997
34	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 ASTM C142, AASHTO T112, TCVN 344:1986
35	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M AASHTO T21
36	Xác định độ bền của cốt liệu trong dung dịch muối Na ₂ SO ₄ hoặc MgSO ₄	ASTM C88 AASHTO T104
37	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá góc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938
38	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997
39	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535 AASHTO T96
40	Xác định hàm lượng hạt trôi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM D4791-2023, BS EN 933-3-2012, BS EN 933-4-2008, BS EN 933-5-1998, BS 812- part 105.1-1989
41	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006, AASHTOT112
42	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006, TCVN 11807:2017
43	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
44	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
45	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
46	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014, TCVN 6221:1997
47	Xác định vật liệu lọc dạng hạt	TCVN 9069:2012
48	Xác định thành phần đất, đá	TCVN 9191:2012, TCVN 7131:2002
49	Xác định chỉ số metylen xanh, độ bền cốt liệu	TCVN 7572-21-22: 2018, ASTM C88/C88M AASHTO T104
50	Xác định hàm lượng vô sô trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023
III	PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
51	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 6625:2000, TCVN 4560:1988; AASHTO T26
52	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26
53	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011, TCVN 4560:1988; AASHTO T26 ASTM D1293
54	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1094, ASTM C114 SMEWW411B
55	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996 ASTM D516-2022
56	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:1978
57	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
58	Canxi (Ca ⁺⁺), Magie (Mg ⁺⁺), Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺)	TCXD81:1981 TCVN 6194:1096 TCVN 6200:1996
59	Nitrit (NO ₂ ⁻), Nitrat (NO ₃ ⁻)	TCXD81:1981
60	Amoniac và Amoni	TCXD81:1981
61	Hydro Sunphua và các Sunphua	TCXD81:1981
62	Xác định độ kiềm HCO ₃ ⁻ , khí Cacbonic (CO ₂ tự do và ăn mòn)	TCXD81:1981
63	Xác định độ cứng : cacbonat, toàn phần, không cacbonat	TCXD81:1981
64	Tính cặn sây khô ở 105 ^o C	TCXD81:1981
IV	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI	
65	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; ASTM A416; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989
66	Thử kéo	TCVN 1651:2018, TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 13711-2:2023, ASTM A370 JIS Z2241

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		ASTM D 2628
67	Thử uốn, thử mới	TCVN 1651:2018, TCVN 198:2014, ASTM A370 JIS Z2248-2022 TCVN 6287:1997
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐÁP, CÁP PHỐI ĐÁ DẪM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT	
68	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012
69	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng, khối lượng thể tích	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100
70	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265
71	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90
72	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88
73	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080
74	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M AASHTO T216
75	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020; AASHTO T99 AASHTO T180
76	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263
77	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, 22TCN 332:2006 ; AASHTO T193
78	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434
79	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy ba trục (CU, UU, CD, CV) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8868:2011; ASTM D2850 ASTM D4767 AASHTO T296
80	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016
81	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
82	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004 AASHTO T267 ASTM D2974
83	Xác định góc nghi tự nhiên	TCVN 8724:2012
84	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
85	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH, xác định phosho phương pháp so màu	TCVN 7377:2004, ASTM D4980 TCVN 8940:2011
86	Xác định đặc trưng trương nở và co ngót của đất	TCVN 8720:2012, ASTM D427, AASHTO T92
87	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-2022
88	Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã	TCVN 8719:2012 ASTM D4829 ASTM D4546 TCVN 8718:2012
89	Thí nghiệm cọc xi măng đất, đất, cát, cấp phối đá dăm gia cố chất kết dính	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011 ASTM D559, D1633 TCVN 9843:2013
VI	BÊ TÔNG NHỰA	
90	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927 AASHTO T245
91	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164 ASTM D2172
92	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011, TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27 ASTM C136/C136M
93	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041 AASHTO T209
94	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T176
95	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390 AASHTO T305
96	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
97	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011
98	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022
99	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
100	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011
101	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
VII	NHỰA BITUM	
102	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140
103	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005; ASTM D113 AASHTO T51
104	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M AASHTO T53
105	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M
106	Xác định tỷ lệ độ kim lún sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h so với khối lượng ở 25 ⁰ C	TCVN 7495:2005 22TCN 279:2001 ASTM D5/D5M
107	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005 AASHTO T44 ASTM D 2042
108	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:2005, TCVN 11196:2017, 22TCN319:2004, ASTM D2196, ASTM D70/D70M
109	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182
110	Chỉ tiêu độ kim lún PI	858/QĐ-BGTVT TCVN 13567:2022
VIII	BỘT KHOÁNG	
111	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020
112	Xác định lượng mất khi nung của bột khoáng	22TCN 58:1984
113	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012
114	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984
115	Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
116	Xác định hệ số thích nước, độ chương nở của bột khoáng	22 TCN 58:1984, TCVN 12884-2:2020
117	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
VIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỞNG	
118	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, ASTM D2937
119	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556/D1556M AASHTOT191
120	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
121	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4729
122	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395
123	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM 4429
124	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082
125	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
126	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012
127	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
128	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573 22 TCN 355:2006
129	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9846:2013 TCVN 9352:2012
130	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951 ASTM 1586 AS 1289.6.3.2
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG	
131	Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
132	Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
133	Phương pháp xác định mô đun đàn hồi của đá trong phòng thí nghiệm	ASTM D3148
134	Phương pháp xác định độ bền kháng kéo của đá trong phòng thí nghiệm	ASTM D3967
135	Phương pháp xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
136	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-01:09
137	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-02:09
138	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-03:09
139	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-04:09
140	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-05:09
141	Xác định lỗ rỗng	TCVN 6355-06:09
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
142	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6477:16

Số: 24 /2025/QĐ-GEO

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025:2017 cho Phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2017 cho toàn bộ các hoạt động của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo các quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

Điều 2: Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng kế hoạch - kỹ thuật, Phòng Kế toán - Hành chính, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các phòng ban Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Vinh

Phần 4: HỒ SƠ NĂNG LỰC THIẾT BỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 05 năm 2025

DANH SÁCH THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm địa kỹ thuật: Công ty cổ phần GEO Hạ Long

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701802064 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

- Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại: 02033.849928/ 0912659144

- Mã số thuế: 5701802064

- Giám đốc: Vũ Ngọc Vinh

2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật

- Địa chỉ: Tổ 2 – khu 1- phường Bãi Cháy – tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 02033.844711/ 0982786998

- Trưởng phòng thí nghiệm: Ông Nguyễn Trung Dũng – Kỹ sư xây dựng

STT	Danh mục thiết bị	xuất xứ	trạng thái thiết bị	SL
1	Máy nén bê tông 2000kN Model: TYA-2000	TQ	tốt	1
2	Máy đầm CBR/Proctor tự động	TQ	tốt	1
3	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)	TQ	tốt	1
4	Máy nén đất tam liên	TQ	tốt	6

5	Máy cắt đất	TQ	tốt	1
6	Máy cắt đất 2 tốc độ	TQ	tốt	1
7	Máy nén Modun đàn hồi	TQ	tốt	1
8	Máy mài mòn Los Angles	VN	tốt	1
9	Tủ sấy thí nghiệm 300°C chi thị điện tử	TQ	tốt	2
10	Cân điện tử ALC 15kg Nhãn hiệu: VibraShinko - Nhật Bản	nhật	tốt	3
11	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g Nhãn hiệu: Labex-Anh	Anh	tốt	1
12	Bộ sàng D300 các cỡ (10-5-2-1-0.5-0.25-0.1-0.075-	TQ	tốt	2

	50-37.5-25-19-9.5-4.75-2-0.85-0.425-0.15-0.075)			
13	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	TQ	tốt	1
14	Cối chày sứ D160mm		tốt	1
15	Búa cao su		tốt	1
16	Nhiệt kế thủy tinh 100°C		tốt	1
17	Bếp cách cát	TQ	tốt	1
18	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	tốt	5
19	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	tốt	5
20	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	tốt	5
21	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	tốt	5
22	Ống đong thủy tinh 1000 ml	TQ	tốt	5
23	Quả bóp cao su D9cm		tốt	1
24	Đồng hồ bấm giây			2

			tốt	
25	Que khuấy		tốt	1
26	Bình tam giác 250ml	TQ	tốt	20
27	Bình tỷ trọng 100ml	TQ	tốt	30
28	Pipette 10ml	TQ	tốt	1
29	Bình hút ẩm D240mm, bằng thủy tinh	TQ	tốt	1
30	Hộp nhôm D55x35		tốt	50
31	Hộp nhôm D80x52		tốt	50
32	Dao vòng cắt đất 30cm ²		tốt	50
33	Dao vòng cắt đất 50cm ²		tốt	50
34	Bộ thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	TQ	tốt	2
35	Bộ thiết bị xác định giới hạn chảy Valixiep	TQ	tốt	1
36	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất		tốt	1
37	Bộ dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát		tốt	1

38	Bộ gá xác định góc ma sát của đá		tốt	1
39	Bộ thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát		tốt	1
40	Kích đùn mẫu vụn nặng 4'' và 6'' Kích 16T (Trung Quốc)	TQ	tốt	1
41	Thước kẹp 300mm		tốt	2
42	Thước đo hạt dài, dẹt, tỷ lệ 1:3		tốt	1
43	Bảng màu chuẩn		tốt	1
44	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa của đá (3 chiếc/ bộ)	TQ	tốt	1
45	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (loại dao to) bao gồm: chày, thanh dẫn, gá dao vòng, 3 lưỡi dao	VN	tốt	1
46	Phễu rót cát hiện trường	VN	tốt	1
47	Bộ xác định đương lượng cát		tốt	1
48	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	VN	tốt	1
49	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi)	VN	tốt	1
50	Bộ cân Benkelman, làm bằng Inox, tỷ lệ 2:1, rút 3 đoạn, có bọt thủy thẳng bằng		tốt	1
51	Bộ đo E bằng tấm ép cứng			1

	Kèm kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giảm đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ sơ 10x0.01mm		tốt	
52	Tấm ép cứng D760mm của bộ đo E		tốt	1
53	Tấm ép cứng D610mm của bộ đo E		tốt	1
54	Tấm ép cứng D460mm của bộ đo E		tốt	1
55	Tấm ép cứng D340mm của bộ đo E		tốt	1
56	Phễu xác định độ xốp của đá		tốt	1
57	Phễu xác định độ xốp của cát		tốt	1
58	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)		tốt	1
59	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)		tốt	1
60	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong)		tốt	1
61	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)		tốt	1
62	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)		tốt	1
63	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong)		tốt	1
64	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)		tốt	1

65	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	tốt	1
66	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	tốt	1
67	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	tốt	1
68	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	tốt	1
69	Giá treo kiểm tra độ bám dính nhựa của đá		tốt	1
70	Bàn cân thủy tĩnh	TQ	tốt	1
71	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE		tốt	1
72	Bộ cối chày bằng đồng	VN	tốt	1
73	Máy thử độ bền nén 100KN	TQ	tốt	1
74	Máy nén Marshall	VN	tốt	1
75	Máy quay ly tâm tách chiết nhựa	TQ	tốt	1
76	Mây giãn dài của nhựa	TQ	tốt	1

77	Thiết bị đo độ kim lún	TQ	tốt	1
78	Thiết bị đo độ hoá mềm của nhựa đường	TQ	tốt	1
79	Thiết bị xác định điểm bắt lửa	TQ	tốt	1
80	Máy đầm tào mẫu Marshall	TQ	tốt	1
81	Khay đựng mẫu 30x30		tốt	5
82	Khay đựng mẫu 50x50		tốt	5
83	Máy trộn bê tông	TQ	tốt	1
84	Bàn rung bê tông	TQ	tốt	1
85	Máy cắt đá	VN	tốt	1
86	Tấm kính mờ làm chày dẻo	VN	tốt	2
87	Máy khoan bê tông	TQ	tốt	1
88	Kepping	TQ	tốt	1

89	Dụng cụ tạo mẫu Marshall	TQ	tốt	1
90	Khuôn bê tông lập phương 15x15cm	TQ	Tèt	6 b
91	Khuôn trụ 15x30cm	VN	Tèt	6 b
92	Bàn rần vữa	VN	tốt	1
93	Bộ gá uốn mẫu xi măng	VN	Tèt	1 b
94	Bộ gá uốn mẫu gạch xây	VN	Tèt	1 b
95	dụng cụ vica	VN	Tèt	1 b
96	khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3	TQ	Tèt	3 b
97	Khuôn xi măng Le chaterlier	VN	Tèt	6 c
98	Bình tỷ trọng xi măng	TQ	Tèt	3 c
99	Khuôn vữa	TQ	Tèt	4 b

Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện các quy định về công nhận phòng thí nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá phòng thí nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2023

Mã QGT cấp: 009CDA913B6E284E28A781FF775B63CF7F

Mẫu số: 1

Ký hiệu: C23TAA

Số hóa đơn: 409

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Mã số thuế: 0108654054

Địa chỉ: Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965.230.666

Số tài khoản: 4506.352.666

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HÀ LONG

Mã số thuế: 5701802064

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Số bảng kê:

Đồng tiền thanh toán: VND

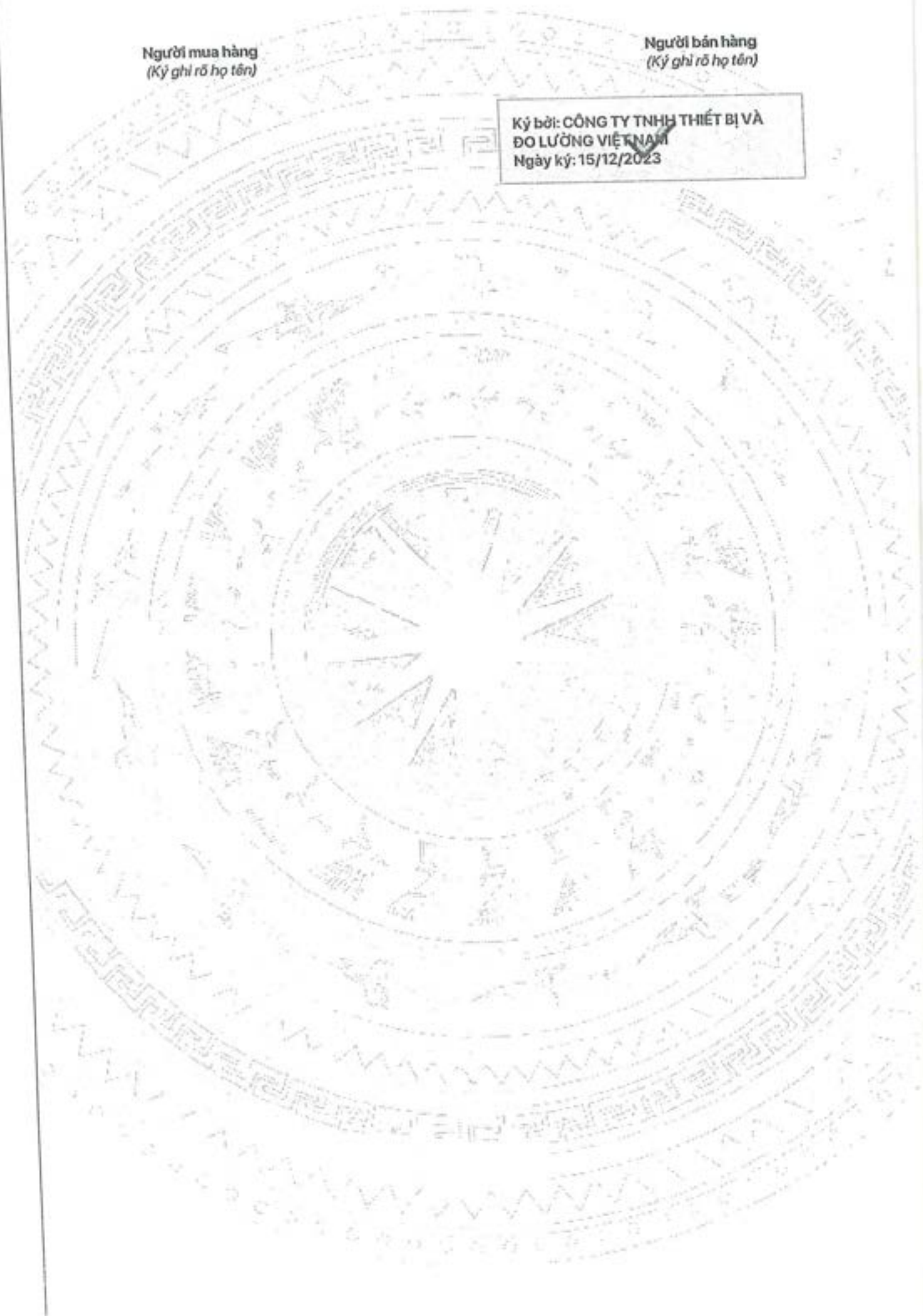
Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Tiền chiết khấu	Thuế suất GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Sàng D300 các cỡ	Chiếc	29	210.000	6.090.000		8%
2	Hàng hóa, dịch vụ	Tủ sấy 300 độ C chỉ thị điện tử Model: 101-2A	Chiếc	1	7.500.000	7.500.000		8%
Tổng hợp			Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Tổng tiền chịu thuế suất 10%:								
Tổng tiền chịu thuế suất 8%:			13.590.000		1.087.200		14.677.200	
Tổng tiền chịu thuế suất 5%:								
Tổng tiền chịu thuế suất 0%:								
Tổng tiền không chịu thuế GTGT:								
Tổng tiền không kê khai nộp thuế:								
Tổng tiền chịu thuế suất khác:								
			Tổng tiền chưa thuế: (Đã trừ chiết khấu)				13.590.000	
			Tổng tiền thuế: (Tổng cộng tiền thuế)				1.087.200	
			Tổng tiền phí:					
			Tổng tiền chiết khấu thương mại:				0	
			Tổng tiền thanh toán bằng số:				14.677.200	
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng					

Người mua hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ
ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
Ngày ký: 15/12/2023





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 12 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TPA

Số: 1625

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388 Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Mã số thuế: 5701802064

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Máy đầm mẩu marshall tự động, Model: YZ-B5	Chiếc	1	19.000.000	19.000.000	10%	1.900.000	20.900.000
2	Máy chiết nhựa, Model: DLC-3	Chiếc	1	13.800.000	13.800.000	10%	1.380.000	15.180.000
3	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông, Model: TYA-2000	Chiếc	1	39.800.000	39.800.000	10%	3.980.000	43.780.000
4	Máy thí nghiệm mài mòn Los Angeles, Model: ZY-5	Chiếc	1	15.600.000	15.600.000	10%	1.560.000	17.160.000
5	Kích thủy lực, tải trọng: 16 tấn, độ cao nâng: 375mm, hàng mới 100%	Cái	1	2.500.000	2.500.000	8%	200.000	2.700.000
6	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	Bộ	1	600.000	600.000	10%	60.000	660.000
7	Máy khoan rút lõi bê tông 180mm, không điều khiển số, model: ZIZ-180T	Chiếc	1	6.200.000	6.200.000	10%	620.000	6.820.000
8	Mũi khoan bằng thép EC-51-4.5T-10W-3 BIT (2.0)	Cái	2	1.850.000	3.700.000	10%	370.000	4.070.000
9	Cút nối chuyển ren	Cái	1	350.000	350.000	10%	35.000	385.000
10	Chi phí vận chuyển	Chuyển	1	1.500.000	1.500.000	8%	120.000	1.620.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					103.050.000		10.225.000	113.275.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								

Mã của cơ quan thuế: 00E0A02E0457554950935A87B486D99B9D

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://voice.vn/viettel.vn/ais/ais/voice-search> . Mã số bí mật: 4K470UGK2EG2ZVO



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 12 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TPA

Số: 1625

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388 Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Mã số thuế: 5701802064

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%: 4.000.000

Tổng tiền chịu thuế 10%: 99.050.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%: 320.000

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 9.905.000

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)
Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ký ngày 27/12/2024

Mã của cơ quan thuế: 00EEAE2E0457554950935A87B486D99B9D

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Vietel), MST: 0100109106
Trụ sở hóa đơn điện tử tại Website: <https://vieservice.vietel.vn/units/voice-search>. Mã số bí mật: 4K47GUGK2EG22VO

tiếp theo trang trước - Trang 2 / 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 218-2024/HĐKT/ANPHAT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên:

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ : Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 0233849928

Mã số thuế : 5701802064

Đại diện : Ông Vũ Ngọc Vinh - Chức vụ: Giám đốc Công ty

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ : Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0933913888

Mã số thuế : 0108673258

Đại diện : Ông Nguyễn Công Phong - Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty

Tài khoản số : 2223964388 Tại Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Thanh Xuân

Hai bên cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	DVT	Đơn giá (VND)	VAT %	Thành tiền (VND)
1	Máy đầm MARSHALL tự động - TQ Model: ZMJ-IIA (YZ-B5) - Kích thước mẫu Marshall gia công: 4 inch (101,6mm) - Trọng lượng búa: 4536g - Chiều cao rơi búa: 457.2mm - Tốc độ đầm: 60 lần/phút - Số lần đầm cài đặt: 1-99 - Công suất: 370W - Nguồn điện: 220V/50Hz Hệ điều khiển điện tử hiện số với bộ đếm số búa đầm đặt được tùy ý.	TQ	1	chiếc	19,000,000	10	20,900,000
2	Máy chiết nhựa 3000g Model: DLC-3 - Đường kính bát đựng mẫu: 280mm - Tốc độ quay: 0 -3000 V/p - Trọng lượng: 50Kg - Công suất: 550W Điện áp nguồn: 220V/50Hz.	TQ	1	chiếc	13,800,000	10	15,180,000

3	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông 2000kN Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: SENXIN/YUANTAI - Lực kiểm tra tối đa: 2000kN - Cấp độ máy kiểm tra: Cấp 1 - Sai số tương đối của chỉ báo lực kiểm tra: trong phạm vi $\pm 1\%$ - Cấu trúc máy chủ: loại khung bốn cột - Hành trình piston: 0-50mm - Không gian nén: 360mm - Kích thước tấm trên: 240x240mm - Kích thước tấm dưới: 240x240mm - Kích thước tổng thể: 900x400x1250mm - Hiển thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Công suất máy: 1.0kW (động cơ bơm dầu 0.75kW) - Tổng trọng lượng máy: khoảng 650kg	TQ	1	chiếc	39,800,000	10	43,780,000
4	Máy thí nghiệm mài mòn Los Angeles-TQ Model: YZ-5 (MH-III) Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử: kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.	TQ	1	chiếc	15,600,000	10	17,160,000
5	Kích dún mẫu vận nặng 4" và 6". Gồm: Kích Trung Quốc 16 tấn, giá đỡ	VN	1	cái	2,500,000	8	2,700,000
6	Bộ dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát	VN	1	bộ	600,000	10	660,000
7	Máy khoan rút lõi bê tông 180mm Model: Z1Z-180T - Đường kính mũi khoan lớn nhất: 180mm - Động cơ điện: 2800W - Tốc độ: 1200v/p - Trọng lượng: 12kg Kèm theo mũi khoan 108mm	TQ	1	cái	6,200,000	10	6,820,000
8	Mũi khoan 2.0-HQ (Phần lưỡi khoan) (Kèm đầu nối và thân mũi khoan)	HQ	2	cái	1,850,000	10	4,070,000
9	Cút nối chuyên dùng ren	TQ	1	cái	350,000	10	385,000
10	Phí vận chuyển, phí lắp đặt, phí chuyên giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	VN	1	lượt	1,500,000	8	1,620,000
TỔNG CỘNG							113,275,000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

113,275,000 VNĐ

Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Giá trên là giá đã bao gồm: Thuế VAT 10%, Chi phí vận chuyển, chi phí hiệu chuẩn thiết bị.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao ngay sau khi đặt hàng.

BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU THIẾT BỊ

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Phòng Thí Nghiệm, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ : Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 0233849928

Mã số thuế : 5701802064

Đại diện : Ông Vũ Ngọc Vinh - Chức vụ: Giám đốc Công ty

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ : Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0378193999 ; 0933913888

Mã số thuế : 0108673258

Đại diện : Ông Nguyễn Công Phong Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận thiết bị vật tư do Bên B bàn giao cho Bên A như sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy đầm MARSHALL tự động - TQ Model: ZMJ-IIA (YZ-B5) - Kích thước mẫu Marshall gia công: 4 Inch (101,6mm) - Trọng lượng búa: 4536g - Chiều cao rơi búa: 457,2mm - Tốc độ đầm: 60 lần/phút - Số lần đầm cài đặt: 1-99 - Công suất: 370W - Nguồn điện: 220V/50Hz Bộ điều khiển điện tử hiện số với bộ đếm số búa đầm đặt được tùy ý.	TQ	1	chiếc	
2	Máy chiết nhựa 3000g Model: DLC-3 - Đường kính bát đựng mẫu: 280mm - Tốc độ quay: 0 -3000 V/p - Trọng lượng: 50Kg - Công suất: 550W Điện áp nguồn: 220V/50Hz.	TQ	1	chiếc	
3	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông 2000kN Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: SENXIN/YUANTAI - Lực kiểm tra tối đa: 2000kN - Cấp độ máy kiểm tra: Cấp 1 - Sai số tương đối của chỉ báo lực kiểm tra: trong phạm vi ± 1% - Cấu trúc máy chủ: loại khung bốn cột - Hành trình piston: 0-50mm - Không gian nén: 360mm	TQ	1	chiếc	



	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tâm dưới: 240x240mm - Kích thước tổng thể: 900x400x1250mm - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Công suất máy: 1.0kW (động cơ bơm dầu 0.75kW) - Tổng trọng lượng máy: khoảng 650kg 				
4	<p>Máy thí nghiệm mài mòn Los Angeles-TQ Model: YZ-5 (M11-III) Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử: kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.</p>	TQ	1	chiếc	
5	<p>Kích dòn mẫu vụn nặng 4" và 6". Gồm: Kích Trung Quốc 16 tấn, giá đỡ</p>	VN	1	cái	
6	Bộ dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát	VN	1	bộ	
7	<p>Máy khoan rút lõi bê tông 180mm Model: Z1Z-180T - Đường kính mũi khoan lớn nhất: 180mm - Động cơ điện: 2800W - Tốc độ: 1200v/p - Trọng lượng: 12kg Kèm theo mũi khoan 108mm</p>	TQ	1	cái	
8	Mũi khoan 2.0-HQ (Phần lưỡi khoan) (Kèm đầu nối và thân mũi khoan)	HQ	2	cái	
9	Cút nối chuyển đổi ren	TQ	1	cái	
10	Phí vận chuyển, phí lắp đặt, phí chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm	VN	1	lượt	

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị hoạt động tốt, đảm bảo chất lượng khi bàn giao.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số lượng vật tư thiết bị trên. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử và đưa vào sử dụng.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

Điều 2: Kết luận:

- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

- Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A (bên nhận)



 GIÁM ĐỐC
 Vũ Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B (bên giao)



 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Công Thông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Mã QGT cấp: 000C9358BDC6E6490EB2337E1ABBDEDC1D

Mẫu số: 1

Ký hiệu: C24TPA

Số hóa đơn: 1300

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Mã số thuế: 5701802064

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Số bảng kê:

Đồng tiền thanh toán: VND
Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Tiền chiết khấu	Thuế suất GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Sàng D200mm	Chiếc	12	190.000	2.280.000		10%
2	Hàng hóa, dịch vụ	Máy nén đất tam liên trung áp, Model: WC-3B	Chiếc	3	22.000.000	66.000.000		10%
3	Hàng hóa, dịch vụ	Máy cắt đất 2 tốc độ, Model: EDJ-1M	Chiếc	1	19.000.000	19.000.000		10%
4	Hàng hóa, dịch vụ	Máy đầm Proctor tự động, Model: DZY - II	Chiếc	1	21.000.000	21.000.000		10%
5	Hàng hóa, dịch vụ	Thiết bị kim lún nhựa tự động Model: IV-2000	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000		10%
6	Hàng hóa, dịch vụ	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: SYD-2808E	Chiếc	1	7.000.000	7.000.000		10%
7	Hàng hóa, dịch vụ	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa, Model:SLD-3536	Chiếc	1	6.000.000	6.000.000		10%
8	Hàng hóa, dịch vụ	Nhiệt kế	Chiếc	1	300.000	300.000		10%
9	Hàng hóa, dịch vụ	Dao cắt đất 30cm2	Chiếc	50	100.000	5.000.000		10%
10	Hàng hóa, dịch vụ	Tấm kính nhám 300X250X8 mm	Cái	1	220.000	220.000		10%
11	Hàng hóa, dịch vụ	Cối chày	Cái	1	350.000	350.000		10%
12	Hàng hóa, dịch vụ	Cân điện tử OKS	Chiếc	1	7.000.000	7.000.000		10%

13	Hàng hóa, dịch vụ	Hộp nhôm đựng mẫu đất thí nghiệm	Chiếc	50	70.000	3.500.000	10%
14	Hàng hóa, dịch vụ	Cân điện tử ALC 15kg	Chiếc	1	2.200.000	2.200.000	10%
15	Hàng hóa, dịch vụ	Sàng D300mm	Chiếc	9	200.000	1.800.000	10%
16	Hàng hóa, dịch vụ	Chi phí vận chuyển	Chuyến	1	12.000.000	12.000.000	8%

Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Cộng tiền thanh toán
Tổng tiền chịu thuế suất 10%:		150.650.000	15.065.000	165.715.000
Tổng tiền chịu thuế suất 8%:		12.000.000	960.000	12.960.000
Tổng tiền chịu thuế suất 5%:				
Tổng tiền chịu thuế suất 0%:				
Tổng tiền không chịu thuế GTGT:				
Tổng tiền không kê khai nộp thuế:				
Tổng tiền chịu thuế suất khác:				

Tổng tiền chưa thuế: (Đã trừ chiết khấu)	162.650.000
Tổng tiền thuế: (Tổng cộng tiền thuế)	16.025.000
Tổng tiền phí:	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại:	0
Tổng tiền thanh toán bằng số:	178.675.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng	

Người mua hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ngày ký: 29/10/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 178-2024/HĐKT/ANPHAT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ : Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 0233849928

Mã số thuế : 5701802064

Đại diện : Ông Vũ Ngọc Vinh - Chức vụ: Giám đốc Công ty

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ : Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0933913888

Mã số thuế : 0108673258

Đại diện : Ông Nguyễn Công Phong - Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty

Tài khoản số : 2223964388 Tại Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Thanh Xuân

Hai bên cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Sàng thí nghiệm D200mm: các cỡ	TQ	12	cái	190,000	10	2,508,000
2	Máy nén đất tam liên trung áp -TQ. Model: WC-3B (WG-3B) Kèm theo: Bộ quả cân, đá thăm, dao cắt, 03 đồng hồ so 10x0,01mm.	TQ	3	chiếc	22,000,000	10	72,600,000
3	Máy cắt đất đa tốc độ - TQ. Model: ZJ-1A (EDJ - 1M) Kèm: Bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2mm, 02 đồng hồ so 10x0,01mm.	TQ	1	chiếc	19,000,000	10	20,900,000
4	Máy đầm PROTOR tự động Model: DZY-II (ZJ-2D) - Tốc độ đầm: 30 lần/ phút - Kích thước cối đầm: D100 x H300 (mm) và D152 x H450 (mm) - Trọng lượng chày: 2,5kg và 4,5kg - Công suất mô tơ: 370W, 1440 v/ph - Cài đặt số chày đầm: 0 - 99 lần - Nguồn điện: 220V/50Hz	TQ	1	chiếc	21,000,000	10	23,100,000

5	Thiết bị kim lún nhựa tự động Model: IV-2000 Cài đặt thời gian 0 -99,9 giây Cài đặt nhiệt độ 0 - 99,9 oC Kiểm soát nhiệt độ: Môi trường - 60oC Hiện thị nhiệt độ và độ lún của kim Có chức năng thí nghiệm thủ công, tự động và tính toán kết quả trung bình Tiêu chuẩn: TCVN, ASTM D36, T0606-2000 Nguồn điện: 220V, 50Hz Trọng lượng: 12 Kg Phụ kiện đồng bộ.	TQ	1	chiếc	9,000,000	10	9,900,000
6	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: SYD-2806E Môi trường thử nghiệm: nước hoặc glycerin Phạm vi đo nhiệt độ: 0-125 °C Độ phân giải: 0,01 Độ chính xác của phép đo: 0,5 °C Nhiệt độ phòng thử nghiệm: nhỏ hơn 30 °C và tương đối ổn định, không có hiện tượng đối lưu không khí. Độ ẩm tương đối: ≤85 Chế độ kiểm soát nhiệt độ: kiểm soát nhiệt độ tự động. Khuấy: Khuấy từ, có thể điều chỉnh. Khối lượng bi thép: 3,50g +0,05g đường kính 9,53 Cốc: 1000ml Điện áp: AC220V ± 10% Công suất: 700W Phụ kiện đồng bộ.	TQ	1	chiếc	7,000,000	10	7,700,000
7	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa - TQ Model: SYD-3536 Nguồn điện: 220V ± 10% 50HZ Độ ẩm môi trường: -10 °C đến 50 °C Độ ẩm tương đối: ≤85% (không kèm bình ga và van)	TQ	1	chiếc	6,000,000	10	6,600,000
8	Nhiệt kế điện tử Model: TP101. Phạm vi đo nhiệt độ: -50°C ~ 300°C (-58°F ~ + 572°F)	TQ	1	cái	300,000	10	330,000
9	Dao cắt đất 30cm ²	TQ	50	cái	100,000	10	5,500,000
10	Tấm kính nhám 300X250X8 mm (Tấm kính xác định giới hạn dẻo của đất)	VN	1	cái	220,000	10	242,000
11	Cối chày inox	VN	1	cái	350,000	10	385,000
12	Cân điện tử OKS - DJ 523 (520x0.001g) Mức cân: 520g Sai số: 0.001g	TQ	1	cái	7,000,000	10	7,700,000
13	Hộp nhôm D80x50 mm	TQ	50	cái	70,000	10	3,850,000
14	Cân điện tử 15kg x 0,5g Model: ALC15 Khả năng: 15kg ± 0.5g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	cái	2,200,000	10	2,420,000
15	Sàng thí nghiệm D300mm: các cỡ	VN	9	cái	200,000	10	1,980,000
16	Phí vận chuyển, phí lắp đặt thiết bị tại Phòng thí nghiệm (Đã bao gồm chi phí vận chuyển máy kéo thép)	VN	1	lượt	12,000,000	8	12,960,000
TỔNG CỘNG							178,675,000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

178,675,000 VNĐ

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Giá trên là giá đã bao gồm: Thuế VAT 10%, Chi phí vận chuyển, chi phí hiệu chuẩn thiết bị.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao ngay sau khi đặt hàng.
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Tại Quảng Ninh

Điều 5: Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị Hợp đồng trước khi giao hàng.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

- Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.
- Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.
- Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà Nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà Nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.
- Hợp đồng này được tự động thanh lý ngay sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo các điều khoản trên và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Phô

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THIẾT BỊ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2024, tại Phòng Thí Nghiệm, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ : Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 0233849928

Mã số thuế : 5701802064

Đại diện : Ông Vũ Ngọc Vinh - Chức vụ: Giám đốc Công ty

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ : Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0378193999 ; 0933913888

Mã số thuế : 0108673258

Đại diện : Ông Nguyễn Công Phong Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận thiết bị vật tư do Bên B bàn giao cho Bên A như sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Sàng thí nghiệm D200mm: các cỡ	TQ	12	cái	190,000	10	2,508,000
2	Máy nén đất tam liên trung áp -TQ. Model: WC-3B (WG-3B) Kèm theo: Bộ quả cân, đá thấm, dao cắt, 03 đồng hồ số 10x0,01mm.	TQ	3	chiếc	22,000,000	10	72,600,000
3	Máy cắt đất đa tốc độ - TQ. Model: ZJ-1A (EDJ - 1M) Kèm: Bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2mm, 02 đồng hồ số 10x0,01mm.	TQ	1	chiếc	19,000,000	10	20,900,000
4	Máy đầm PROTOR tự động Model: DZY-II (ZJ-2D) - Tốc độ đầm: 30 lần/phút - Kích thước cối đầm: D100 x H300 (mm) và D152 x H450 (mm) - Trọng lượng chày: 2,5kg và 4,5kg - Công suất mô tơ: 370W, 1440 v/ph - Cài đặt số chày đầm: 0 - 99 lần - Nguồn điện: 220V/50Hz	TQ	1	chiếc	21,000,000	10	23,100,000
5	Thiết bị kim lún nhựa tự động Model: IV-2000 Cài đặt thời gian 0 -99,9 giây Cài đặt nhiệt độ 0 - 99,9 oC Kiểm soát nhiệt độ: Môi trường - 60oC Hiện thị nhiệt độ và độ lún của kim Có chức năng thí nghiệm thủ công, tự động và tính toán kết quả trung bình Tiêu chuẩn: TCVN, ASTM D36, T0606-2000 Nguồn điện: 220V, 50Hz Trọng lượng: 12 Kg Phụ kiện đồng bộ.	TQ	1	chiếc	9,000,000	10	9,900,000

6	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: SYD-2806E Môi trường thử nghiệm: nước hoặc glycerin Phạm vi đo nhiệt độ: 0-125 °C Độ phân giải: 0,01 Độ chính xác của phép đo: 0,5 °C Nhiệt độ phòng thử nghiệm: nhỏ hơn 30 °C và tương đối ổn định, không có hiện tượng đối lưu không khí. Độ ẩm tương đối: ≤85 Chế độ kiểm soát nhiệt độ: kiểm soát nhiệt độ tự động. Khuấy: Khuấy từ, có thể điều chỉnh. Khối lượng bi thép: 3,50g ±0,05g đường kính 9,53 Cốc: 1000ml Điện áp: AC220V ± 10% Công suất: 700W Phụ kiện đồng bộ.	TQ	1	chiếc	7,000,000	10	7,700,000
7	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa - TQ Model: SYD-3536 Nguồn điện: 220V ± 10% 50HZ Độ ẩm môi trường: -10 °C đến 50 °C Độ ẩm tương đối: ≤85% (không kèm bình ga và van)	TQ	1	chiếc	6,000,000	10	6,600,000
8	Nhiệt kế điện tử Model: TP101. Phạm vi đo nhiệt độ: -50°C ~ 300°C (-58°F ~ + 572°F)	TQ	1	cái	300,000	10	330,000
9	Dao cắt đất 30cm2	TQ	50	cái	100,000	10	5,500,000
10	Tấm kính nhám 300X250X8 mm (Tấm kính xác định giới hạn dẻo của đất)	VN	1	cái	220,000	10	242,000
11	Cối chày inox	VN	1	cái	350,000	10	385,000
12	Cân điện tử OKS - DJ 523 (520x0.001g) Mức cân: 520g Sai số: 0.001g	TQ	1	cái	7,000,000	10	7,700,000
13	Hộp nhôm D80x50 mm	TQ	50	cái	70,000	10	3,850,000
14	Cân điện tử 15kg x 0,5g Model: ALC15 Khả năng: 15kg ± 0.5g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	cái	2,200,000	10	2,420,000
15	Sàng thí nghiệm D300mm: các cỡ	VN	9	cái	200,000	10	1,980,000
16	Phí vận chuyển, phí lắp đặt thiết bị tại Phòng thí nghiệm	VN	1	lượt	12,000,000	8	12,960,000
TỔNG CỘNG							178,675,000

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị hoạt động tốt, đảm bảo chất lượng khi bàn giao.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số lượng vật tư thiết bị trên. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử và đưa vào sử dụng.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

Điều 2: Thanh toán.

- Tổng trị giá Hợp đồng đã ký:

178,675,000 VNĐ

- Tổng trị giá thực hiện Hợp đồng:

178,675,000 VNĐ

- Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền là: 20,000,000 VNĐ
- Bên A còn phải thanh toán cho bên B số tiền là: 158,675,000 VNĐ

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Điều 3: Kết luận:

- Ngay sau khi Bên A thanh toán hết số tiền trên cho Bên B, ngoài trách nhiệm bảo hành thiết bị của bên B, giữa hai bên không còn bất cứ khoản nợ nào khác và cùng thống nhất thanh lý Hợp đồng này.
- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.
- Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Vinh

Người nhận hàng

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Phong

Người giao hàng





GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001107 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đo Benkelman**

Kiểu (Type): BB-94 Số (Serial №): 1056

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **VIỆT NAM**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): **TCVN 8867 : 2001 ; AASHTO T256**
 Tỷ lệ truyền 2/1

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): **Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (In accordance with): **M.07 - 2011**

Cân đo Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn (Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **M.TB3.11 – Cân mẫu cấp 1**

Độ không đảm bảo đo $0,2 \times 10^{-2}$

- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): **28°C**

- Tỷ lệ truyền 2/1 **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

2231--01

Kết quả (Results): - Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of) **ACTRS-1,6 x 10⁻²**

- Hệ số phủ k = 2 với mức tin cậy P = **99%** ... **0.2.6**

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆT
Ngô Thị Sửu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (Số): HC002238 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định điểm bắt lửa**

Kiểu (Type): SLD-3536 Số (Serial No): 244503 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (20-300) °C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M35-2011

Thiết bị xác định điểm bắt lửa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 2230--01
 Số chứng thực: Quyền số:SCT/BS
 Ngày: 04 tháng 11 năm 2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	87.0	125.0	198.0	250.0	300.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	87.0	124.0	197.0	252.0	299.0
Sai số (Error) /°C	0.0	-1.0	-1.0	+2.0	-1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002225 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén**

Kiểu (Type): WE – 1000B Số (Serial №): 1711281 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 100)kN; Giá trị vạch chia: 0,5kN

Phạm vi đo: (0 ÷ 500)kN; Giá trị vạch chia: 1kN

Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)kN; Giá trị vạch chia: 2kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): **Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): **HCĐL 02-2024**

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Chính



CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngô Văn Chính

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002227 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): ALC -15A Số (Serial №): 58824010310 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):
Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025 Ngày tháng năm 01.11.2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Linh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Hữu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002230 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-3B Số (Serial №): n/a Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Đồng hồ số số seri: 240869

Phạm vi đo: (0 + 10)mm, d = 0,01mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB kiểm tra đồng hồ số	TB11.1	CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH 2228-01	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment): Số chứng thực: Quyền số: SCT/BS

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 0,4) °C Độ ẩm (Humidity): 65,5%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results):

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C
- Đặt lại số : ± 7 μm. Độ hồi sai : ± 3 μm
- Độ không đảm bảo đo U = (5,8 + 6,2.L) μm với hệ số phủ k = 2, cấp P = 95%; [L] là

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration
Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Lành



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Lành Sơn

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002239 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Máy đầm Marshall tự động

Kiểu (Type): YZ-5B Số (Serial №): 2303903 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Trọng lượng búa: 4536 g
Chiều cao rơi của búa: 457 mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Cân kỹ thuật SJ 620CE	TB01.2	VMI	1/2027
Thước chuẩn	TB01.39		

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): Đạt yêu cầu kỹ thuật

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Khánh



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2227--01
Quyển số: SCT/BS
+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH
Ngày: 04 tháng 11 năm 2025

Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Ngô Thị Sương

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002229 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-3B Số (Serial №): n/a Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Đồng hồ số seri: 2405117

Phạm vi đo: (0 ÷ 10)mm, d = 0,01mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB kiểm tra đồng hồ số	TB11.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

- Kết quả (Results):
- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C
 - Đặt lại số : ± 7 μm. Độ hồi sai : ± 3 μm
 - Độ không đảm bảo đo U = (5,8 + 6.2.L) μm với hệ số phủ k = 2, cấp P = 95%; [L]:m

Độ ẩm (Humidity): 55%RH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số đo thực: 2225 -- 01 SCT/BS
 Ngày: 14 tháng 04 năm 2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn (Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc (Director)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sứ

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002231 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-3B Số (Serial №): 240870 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Đồng hồ so số seri: 240870

Phạm vi đo: (0 ÷ 10)mm, d = 0,01mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB kiểm tra đồng hồ so	TB11.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results):

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C
- Đặt lại số : ± 7 μm. Độ hồi sai : ± 3 μm
- Độ không đảm bảo đo U = (5,8 + 6.2.L) μm với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy P = 95%; [L]:m

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration
Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Thị Sửu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (Số): HC002226 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Nhiệt kế điện tử TP101**

Kiểu (Type): TP 101 Số (Serial No): n/a Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (-50 + 300)°C
 Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tối (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results):

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 2222 Quyền số: SCT/BS

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	0.0	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	0.0	49.0	101.0	151.0	200.0	250.1
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	0.0	1.0	1.0	1.0	0.0	1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
 (Head of Calibration Department)

[Signature]
 TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Chính



Giám đốc
 (Director)

[Signature]
 CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Thị Sửu GIÁM ĐỐC
 Đỗ Đăng Chung



1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (Số): HC001106 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): kích tay Số (Serial No): H467 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 320) kN
Đồng hồ áp: (0 ÷ 60) MPa; Vạch chia: 2 MPa/vạch

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2223--01
Quyển số: 04
SCT/BS
Ngày: 30 tháng 06 năm 2025

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc (Director)
CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu
GIÁM ĐỐC
Đo Đẳng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002232 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy cắt đất

Kiểu (Type): ZJ-1A Số (Serial №): 2405120

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 1200) N

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108 – 2002

Phương tiện đo lực – quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn **trang sau** (See the results of the calibration on the next page) **2221**



Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

[Signature]
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Thị Sửu GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng Lọc Công Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cồn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002236 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử mài mòn Los Angeles

Kiểu (Type): MH-III Số (Serial №): 2401139 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DL.M-09.19

Máy mài mòn Los – Angeles – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Máy đo tốc độ vòng quay	TB01.4	VMI	1/2027
Cân kỹ thuật	TB01.2		
Thước kẹp điện tử	TB01.1		

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results):

TT	Thông số	Giá trị đo được
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	31
2	Đường kính bi (mm)	47.1 ± 47.5
3	Trọng lượng bi (g)	393 ± 400
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	711 ± 5
5	Chiều dài trong thùng chứa mẫu (mm)	508 ± 5

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngô Thị Liễu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001100 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén đất tam liên**

Kiểu (Type): WG Số/ (Serial N°): 11

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Tiết diện dao vòng: 30cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/12

Tiết diện dao vòng: 50cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/10

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108:2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): HN.TB3.06 – Đầu đo lực

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

CHỖ THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số hiệu sau: 2219--01 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 14/06/2026 năm: 2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)

CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu **GIÁM ĐỐC**
Đo Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (Số): HC001109 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial No): 33288 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 300)°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004
 Tủ Sấy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025 Sai số: 0.1 SCT/BS

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	50	101	151	199	251
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	+ 0.0	+ 1.0	+ 1.0	- 1.0	+ 1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Ngô Thị Sửu

Giám đốc
(Director)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001096 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial №): 160503 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 2000)kN
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2217-01 Quyền số: SCT/BS
Ngày: 14 tháng 04 năm 2025

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Ngô Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



việc chuẩn & đo lường
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG

BẢN SAO

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cón, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001111 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo giãn dài nhựa**
Kiểu (Type): T118 Số (Serial №): 346 Số nhận dạng (ID):
Cơ sở sản xuất (Manufacturer): n/a
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005
Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**
Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 27-2024

Thiết bị đo giãn dài nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Đồng hồ bấm giây	TB01.5	VMI	3/2026
Thước cặp điện tử	TB01.1		
Căn chuẩn	TB01.3		

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2) °C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001102 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén 100KN

Kiểu (Type): n/a Số (Serial №): 090218 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 100)kN
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 02-2024
Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH


Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆC GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Diệu Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001103 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): ALC -15A Số (Serial №): 58820101017 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):
Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Độ ẩm (Humidity): 55% RH
ĐỒNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2214--01
Quyển số: SCT/BS
Ngày: 30 tháng 06 năm 2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Ngô Thị Sửu GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng Chuẩn & Đo Lường Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001110 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy ly tâm chiết nhựa

Kiểu (Type): B012 Số (Serial №): 004 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Matest

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tốc độ quay: (0 ÷ 3000)rpm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 26-2024

Máy ly tâm chiết nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Thiết bị đo tốc độ vòng quay, PCE-DT65	TB01.4	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment): chứng thực: 2213--01 Quyển số: SCT/BS

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 0,2) °C ... tháng 06 năm 2025 Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Thị Sửu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001105 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): ALC -15A Số (Serial №): 170615127 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Nhật Bản**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):
 Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 15\text{kg}$
 Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): **Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): **HCĐL 17-2024**

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): **55%RH**

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
 (See the results of the calibration on the next page)



Trưởng phòng hiệu chuẩn
 (Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
 Ngô Văn Linh



Giám đốc
 (Director)



CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngô Thị Sửu
 GIÁM ĐỐC
 Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001101 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực cho máy nén Marshall

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №): E3397 Số nhận dạng (ID): n/a

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo lực: (0 ÷ 30)kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):
+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002228 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): OKS-DJ523A Số (Serial №): 2024100815 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 520$ g
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,001$ g

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM

Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hệ thống đo lường
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cồn, Huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001104 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Cân kỹ thuật

Kiểu (Type): GS-ALC6 Số (Serial No): 3021522005 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 6\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0.2\text{g}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$; + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh


Số chứng thực: 2209-01 Chuyển số: SCT/BS
Ngày: tháng năm
Giám đốc
(Director)
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
CÔNG CHỨNG
Ngô Thị Sửu
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được liệt kê chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
 (CERTIFICATE OF CALIBRATION)**

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001098 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy cắt đất

Kiểu (Type): EDJ-1 Số (Serial №): K5073

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 1200) N

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108 – 2002

Phương tiện đo lực – quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): V03.TB1-03 lực kế chuẩn

Độ không đảm bảo đo: 2,4.10⁻²

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 2207--01 SCT/BS
 Ngày: 04 tháng 02 năm 2026

**Trưởng phòng hiệu chuẩn
 (Head of Calibration Department)**

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
 Ngô Văn Thịnh

**Giám đốc
 (Director)**



GIÁM ĐỐC
 CÔNG CHỨNG VIÊN
 Đỗ Đăng Chung
 Ngô Thị Sửu

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002235 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị kim lún nhựa nhựa**

Kiểu (Type): IV-2000 Số (Serial №): 2410181 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo TCVN 7495, AASHTO T49, ASTM D5

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): **Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 25-2024

Thiết bị kim lún nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Nhiệt kế điện tử TA612C	TB01.5	VMI	1/2027
Panme	TB01.11		
Cân kỹ thuật SJ 620CE	TB01.2		

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 2208--01 Giấy số: SCT/BS
 Ngày: 04 tháng 04 năm 2025

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):
 + Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Chinh



CÔNG CHỨNG HIỆN
Ngô Thị Sửu

Giám đốc
(Director)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



1000 10000 100 100000

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002234 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy ly tâm chiết nhựa**

Kiểu (Type): DLC-3 Số (Serial №): 240546 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Matest**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tốc độ quay: (0 ÷ 3000)rpm

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): **HCDL 26-2024**

Máy ly tâm chiết nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Thiết bị đo tốc độ vòng quay, PCE-DT65	TB01.4	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Ngô Chí Sửu

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001099 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén đất tam liên**

Kiểu (Type): WG Số/ (Serial N°): 03

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Tiết diện dao vòng: 30cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/12

Tiết diện dao vòng: 50cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/10

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108:2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): HN.TB3.06 – Đầu đo lực

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2205--01
Quyển số: 04
SCT/BS
Ngày tháng năm: 30/06/2025

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Thị Đăng Chung
GIÁM ĐỐC

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (№): HC002233 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén
Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial №): 2410213 Số nhận dạng (ID):
Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 2000)kN
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG
Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
Ngô Thị Sửu
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hàng lọc & đo lường
việt nam

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001097 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy nén CBR

Kiểu (Type): cơ Số (Serial №): A9164 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 50)kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngô Thị Sửu
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/11/2025 Số (Số): HC002237 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa**

Kiểu (Type): SYD-2806E Số (Serial No): 2404317 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi điều nhiệt: (20-125)°C

Độ phân giải: 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 24-2024

Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Nhiệt kế điện tử TA612C	TB01.5	VMI	1/2027
Panme	TB01.11		
Cân kỹ thuật SJ 620CE	TB01.2		

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/11/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/11/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
Ngô Văn Thịnh
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (Số): HC001108 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy**

Kiểu (Type): 101-1 Số (Serial No): 2359 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 300)°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Tủ Sấy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	50	101	151	199	251
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	+ 0.0	+ 1.0	+ 1.0	- 1.0	+ 1.0

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 2.2.3.2.01 SCT/BS
 Ngày: 30/06/2025

Trưởng phòng hiệu chuẩn
 (Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
 Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngô Thị Sửu

GIÁM ĐỐC

Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (Số): HC001108 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy**

Kiểu (Type): 101-1 Số (Serial No): 2359 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 300)°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Tủ Sấy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

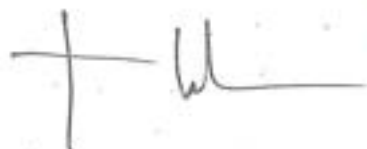
Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	50	101	151	199	251
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	+ 0.0	+ 1.0	+ 1.0	- 1.0	+ 1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngô Thị Sửu

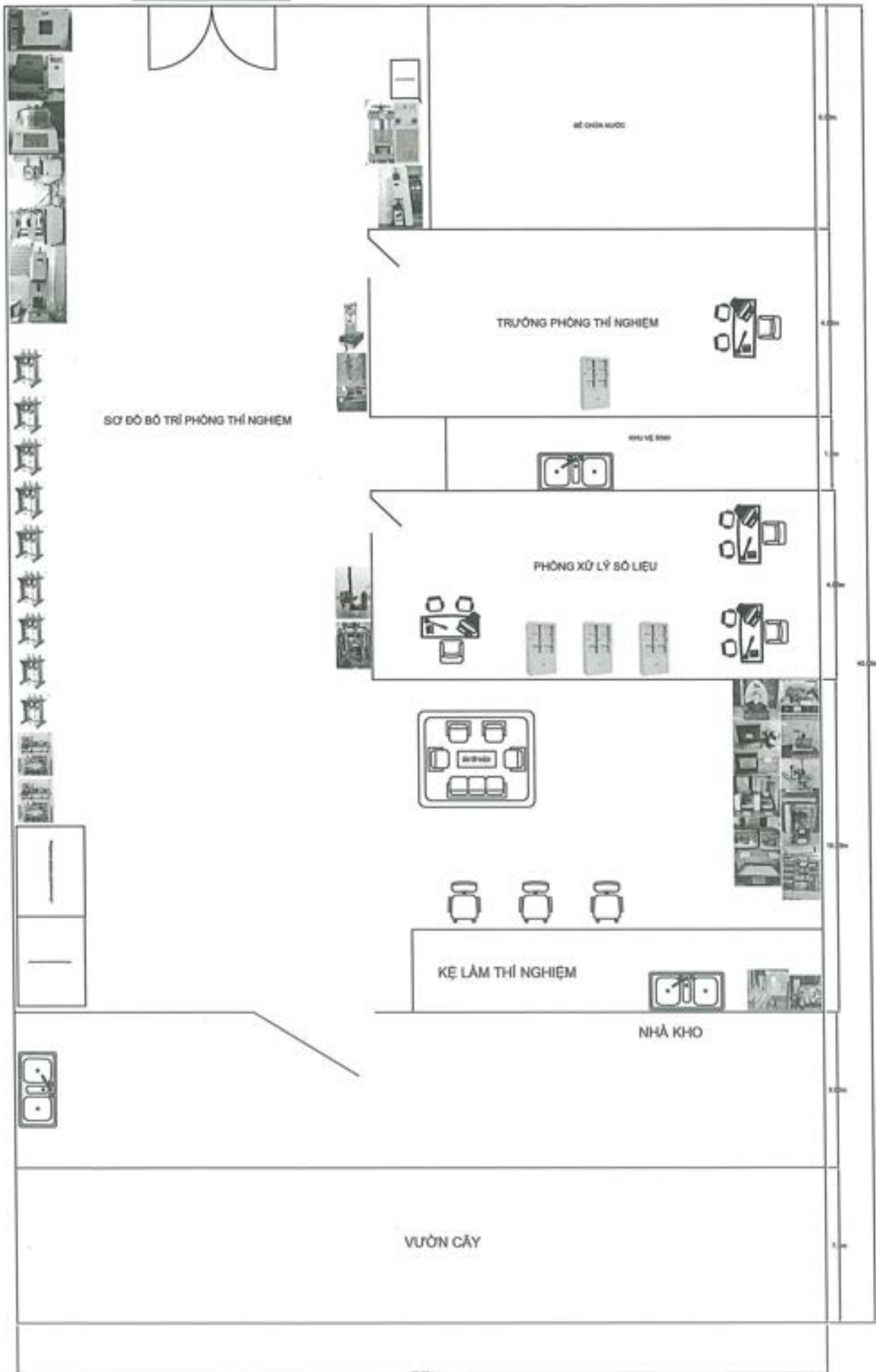
GIÁM ĐỐC

Đỗ Đăng Chung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2232... Quyển số: 01... SCT/BS
Ngày: 15 tháng 04 năm 2026

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

Phần 5: HỒ SƠ CHỨNG MINH
ĐỊA ĐIỂM ĐẶT PHÒNG THÍ NGHIỆM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ VĂN PHÒNG

(Số: 24/HĐTVP)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH 11 của nước CHXHCN Việt Nam
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên

Hôm nay, ngày 14 tháng 10 năm 2024, tại nhà bà Nguyễn Thị Nguyệt, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN CHO THUÊ VĂN PHÒNG)

Bà : NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Địa chỉ : Số nhà 173 tổ 3A, khu 4, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long

Điện thoại : 0983373266

Số CCCD : 031162007195

Cấp tại Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội. Ngày 12/08/2021

BÊN B (BÊN THUÊ VĂN PHÒNG): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Ông : VŨ NGỌC VINH Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tổ 2 khu 1 phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện Thoại : 0203.3849.928

Mã Số Thuế : 5701802064

Hai bên thống nhất và ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: CÁC THỎA THUẬN CHÍNH

1.1. Chủ quyền hợp pháp và khu vực cho thuê

- Bên A cho bên B thuê 01 tầng hầm (không bao gồm sân, bếp, vườn phía sau), 02 phòng tại tầng 1. Địa chỉ số nhà 173 tổ 3A, khu 4, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long

Bao gồm các quyền:

- + Được sử dụng lối đi chung dẫn đến diện tích thuê;

1.2. Giá thuê phòng

- Đơn giá thuê phòng: 12.000.000đ/tháng

Bằng chữ: Mười hai triệu đồng



- Sau 03 năm tăng 10% đơn giá.
- Phương thức thanh toán: 06 tháng một lần.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày đầu tiên của đầu mỗi kỳ.

1.3. Mục đích sử dụng

- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc; phòng thí nghiệm; 1 phòng lưu trữ (3 người luân phiên).

1.4. Thời hạn thuê: 05 năm

Ngày bắt đầu thuê: 14 tháng 10 năm 2024

Ngày kết thúc thời hạn thuê: 14 tháng 10 năm 2029

Thời gian thuê ấn định như trên, hai bên không được hủy ngang trong 05 năm. Trường hợp một trong hai bên đơn phương hủy ngang hợp đồng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì bên hủy ngang sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bên kia số tiền tương ứng với số tiền 12 tháng thuê nhà (đơn giá mười hai triệu đồng/tháng).

1.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

1.6. Bàn giao của Bên cho thuê nhà

Bên A đảm bảo cho Bên B được sử dụng chung cầu thang bộ xuống tầng hầm, an ninh vòng ngoài, chiếu sáng công cộng.

1.7. Phí tiện ích (điện, nước)

- Tiền điện, tiền nước bên B sẽ đăng ký và thanh toán trực tiếp với Nhà Cung Cấp Dịch Vụ tại Việt Nam

1.8. Hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, internet, fax...)

Bên B sẽ đăng ký và thanh toán trực tiếp với Nhà Cung Cấp Dịch Vụ tại Việt Nam.

1.9. Biển hiệu

Bên B được đặt biển tên công ty phía trước cửa diện tích thuê.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 2.1 Bàn giao cho Bên B quyền sử dụng riêng Diện Tích Thuê vào ngày 14/10/2024 để Bên B làm trang trí, lắp đặt văn phòng.
- 2.2 Đảm bảo tính Pháp lý về quyền quản lý, sử dụng và sử dụng phần Diện Tích Thuê của toà nhà trên theo Pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- 2.3 Bên A có nghĩa vụ nộp các khoản thuế có liên quan đến khoản tiền Bên A nhận được từ Bên B, theo Luật Việt Nam.
 - 2.3.1 Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam

180206
ÔNG T
CỐ PH
GEC
HÀ LO
VKG - T

05 -
IPH
IG CH
NG Q
VKG - T

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 3.1 Được ra, vào diện tích thuê của mình bất cứ lúc nào trong giờ làm việc mà không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và vệ sinh chung của tòa nhà.
- 3.2 Bên B tự chịu trách nhiệm về con người và quản lý tài sản của mình trong quá trình thuê.
- 3.3 Thanh toán tiền thuê đúng hạn.
- 3.4 Tuân thủ nghiêm ngặt các luật của Việt Nam đã được công bố và được cung cấp công khai về vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy được ban hành vào từng thời điểm.
Đảm bảo trật tự trị an, vệ sinh công cộng, vệ sinh tại diện thích mà bên B thuê, PCCC tại khu vực thuê mà Bên A đã bàn giao cho Bên B.
- 3.5 Trong quá trình sử dụng các thiết bị nếu bị hư hỏng do lỗi của người sử dụng, thì bên B phải chịu trách nhiệm sửa chữa. Không được tự đực phá, sửa chữa làm thay đổi kết cấu nhà và cảnh quan, nếu cần phải được bên A đồng ý.
- 3.6 Tuân thủ một cách chặt chẽ các quy chế và điều lệ của Toà Nhà và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- 3.7 Chi phí pháp lý: các bên tự chịu trách nhiệm về chi phí pháp lý của mình.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- Động đất, Chiến tranh, Giông bão...
- Hoả hoạn khu vực thuê nhà không do lỗi của bên B gây ra.
- Hai Bên bị Chính Phủ Việt Nam hoặc một cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động.

Trong trường hợp có sự thay đổi về tổ chức và nhân sự của một (hoặc cả hai bên) ký Hợp Đồng Thuê thì tổ chức và nhân sự thay thế phải kế thừa bản Hợp Đồng Thuê này trừ trường hợp bị Toà án Phúc thẩm tuyên bố là phá sản.

ĐIỀU 5: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng Thuê này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 5.1 Diện Tích Thuê bị Chính Phủ Việt Nam hoặc một cơ quan có thẩm quyền quyết định phá hủy hoặc tháo dỡ.
- 5.2 Khi chấm dứt thời hạn Hợp đồng này, với điều kiện trong trường hợp thời hạn của Hợp đồng thuê này được gia hạn, Hợp Đồng Thuê này sẽ kết thúc vào cuối thời gian gia hạn gần nhất.



5.3 Diện tích thuê bị phá hủy, bị hư hại hoặc bị làm hư hỏng đến mức không thích hợp để ở hoặc sử dụng hoặc không vào được và tình trạng đó không thể khắc phục được.

5.4 Hai Bên vi phạm nghiêm trọng những điều khoản của Hợp Đồng Thuê này.

5.5 Trường hợp bất khả kháng xảy ra

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên bị ràng buộc thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng thuê này. Mọi tranh chấp (nếu có), sẽ được giải quyết bằng hoà giải giữa hai bên.

Trong trường hợp không thể đạt được thống nhất thông qua hoà giải, trong vòng 30 ngày kể từ khi đưa vụ việc tranh chấp ra hoà giải, mỗi bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Hợp Đồng Thuê này gồm 04 trang và được lập thành hai (02) bản chính. Mỗi Bên giữ một (01) bản chính có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

BÊN B

(Ký tên và đóng dấu)



GIAM ĐỐC

Vũ Ngọc Vinh

Bên A

(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 31-10-2024

Số chứng thực: 1.0.1.4.6 Quyển số: SCT/BS

Nguyễn Thị Nguyệt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Hà Ngọc